



Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai

Địa chỉ: 1B-D3 KP. Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: (061) 383 2225

Fax: (061) 383 1259

Email: info@dongnaiport.com.vn

Website: www.dongnai-port.com



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI



THÔNG TIN CHUNG

- Tổng quan về doanh nghiệp
- Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi
- Lịch sử hình thành và phát triển
- Lĩnh vực và địa bàn hoạt động
- Mô hình tổ chức và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến hoạt động kinh doanh, cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Các giải pháp thực hiện



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá các mặt hoạt động Công ty
- Đánh giá Ban Giám đốc
- Kế hoạch, định hướng



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2014

- Ý kiến của Cơ quan kiểm toán
- Báo cáo tài chính kiểm toán và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính





THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý vị,

Năm 2014, nền kinh tế thế giới vẫn còn tồn tại nhiều rủi ro, bất ổn và khó khăn trong việc dự báo triển vọng phục hồi trong tương lai. Đứng trong xu hướng hội nhập, toàn cầu hóa, nền kinh tế Việt Nam trong năm cũng chịu ảnh hưởng từ tình hình chung khi thương mại toàn cầu sụt giảm, nguồn vốn đầu tư nước ngoài hạn chế. Tuy nhiên, kết quả kinh tế Việt Nam cả năm vẫn cho thấy nhiều tín hiệu khả quan, thành quả bước đầu trong chính sách tái cơ cấu nền kinh tế. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ước tính tăng trưởng 5,98% so với năm 2013 trong bối cảnh kinh tế vĩ mô ổn định, mức độ lạm phát thấp, tỷ giá ít biến động... Trong năm, Chính phủ đã tiến hành đầu tư mạnh mẽ cơ sở hạ tầng giao thông nhằm phát triển lưu thông hàng hóa, tiết kiệm chi phí và thời gian. Đồng thời, đề ra và hoàn thiện chính sách thu hút đầu tư vào các công trình kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công.

Đối với ngành dịch vụ cảng, kho bãi cả nước nói chung vẫn trong tình trạng dư thừa công suất, cạnh tranh cao dẫn đến mặt bằng cước phí thấp. Trong khi đó, chất lượng dịch vụ toàn ngành nói chung lại chưa được tập trung nâng cao, mức độ ứng dụng công nghệ trong quản lý cảng còn thấp chưa thu hút tốt các hãng tàu nước ngoài.

Đứng trước hoàn cảnh đó và nhìn nhận thấy được vấn đề, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã tiến hành triển khai nhiều chiến lược phát triển và đổi mới. Các chính sách được đề ra bao quát gồm nhiều mặt, bám sát thị trường, cải tiến chính sách bán hàng, nâng cấp chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ, mở rộng khai thác thị trường gia tăng thị phần, đầu tư nâng cấp mạnh mẽ cơ sở hạ tầng cầu cảng và kho bãi. Để hoàn thành tốt những chính sách trên, khâu quan trọng nhất là công tác nhân sự, Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai đã tiến hành tái cấu trúc bộ máy nhân sự nhằm tăng năng suất lao động, chương trình xây dựng văn hóa doanh nghiệp được chặt chẽ và triển khai sát hơn với thực tế, xây dựng cơ chế đánh giá KPI cho toàn bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý.

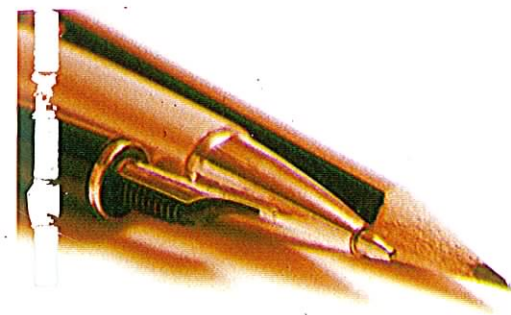
Với những nỗ lực hành động, năm 2014, Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu trong kế hoạch sản xuất kinh doanh, giữ vững mức độ tăng trưởng, gia tăng uy tín trong nhận thức của khách hàng. Đội ngũ lãnh đạo và toàn thể cán bộ, công nhân viên liên tục được đào tạo phát triển nâng cao tay nghề và quán triệt tinh thần tích cực trong dịch vụ khách hàng.

Sang năm 2015, Cảng Đồng Nai tiếp tục thực hiện các chiến lược đã đề ra, tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ, kéo dài chuỗi cung ứng dịch vụ logistics. Điều này tạo ra nền tảng để Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai tiếp tục giữ vững và phát triển hình ảnh thương hiệu PDN trong lĩnh vực khai thác cảng, dịch vụ logistics trên thị trường quốc tế. Đây chính là điều kiện tất yếu và trực tiếp để Cảng Đồng Nai đẩy mạnh mức độ tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, đáp ứng những kỳ vọng của cổ đông, khách hàng và người lao động.

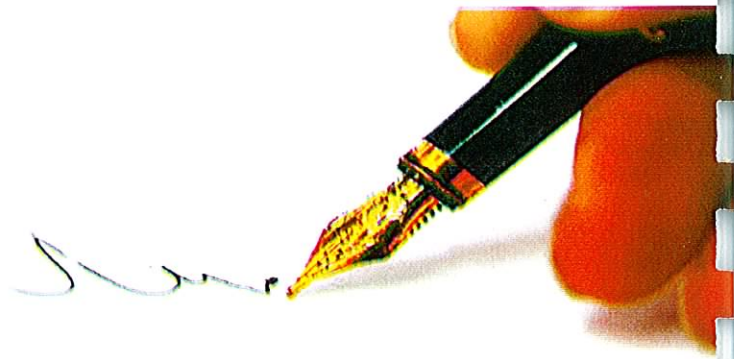
Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đỗ Văn Sâm



1989 - 2014



PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa Quý Khách hàng, đối tác và Quý vị cổ đông,

Năm 2014, tình hình thế giới tiếp tục trải qua một năm đầy biến động, các nền kinh tế lớn trên thế giới có sự phân hóa lớn sau thời kỳ suy thoái dài. Nền kinh tế Mỹ đầu tàu của thế giới đã cho thấy sự phục hồi ấn tượng sau một thời gian thực hiện các chính sách hỗ trợ. Trong khi đó, tình trạng ở khu vực đồng Euro đang diễn biến theo chiều hướng tiêu cực và chưa có dấu hiệu phục hồi. Các tranh chấp tại Ukraine gây gia tăng mâu thuẫn giữa Nga và Châu Âu, càng làm xấu đi quan hệ thương mại giữa các nước này, tổn hại đến nền kinh tế các nước trong khu vực. Tại khu vực châu Á, kinh tế Trung Quốc cũng bước vào giai đoạn chững lại sau thời kỳ tăng trưởng nóng, trong khi Nhật Bản vẫn còn loay hoay với chính sách kinh tế Abenomics.

Tình hình kinh tế Việt Nam trong năm đã cho thấy nhiều tín hiệu khả quan, bước đầu vượt qua giai đoạn khó khăn. Chính phủ đã kiên trì và nỗ lực trong việc tái cơ cấu nền kinh tế, ổn định vĩ mô, đồng thời cải cách hệ thống ngân hàng nhằm gia tăng tính hiệu quả của nguồn vốn đầu tư. Kết quả đã cho thấy, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng trưởng 5,98% vượt kế hoạch đề ra trong điều kiện đảm bảo ổn định lạm phát, tỷ giá. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ xấu trong nền kinh tế vẫn còn ở mức cao, tốc độ tăng trưởng tín dụng còn thấp do các doanh nghiệp đã kiệt sức sau một thời kỳ lãi suất quá cao.

Trong bức tranh tổng thể còn nhiều gam màu sáng tối, riêng Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai cũng gặp phải những khó khăn nhất định trong ngành dịch vụ cảng, logistics.

- Tình hình chung hệ thống cảng trong nước đang rơi vào tình trạng khủng hoảng thừa, đặc biệt là khu vực miền Nam. Khu vực Thị Vải – Cái Mép ngoài các cảng khai thác hàng tổng hợp hiện hữu như Phú Mỹ, cảng Thép Miền Nam, cảng dầu khí PTSC, cảng Interfloor còn có một số cảng container chuyển sang khai thác hàng rời như: TCCT, SP PSA, SITV. Đây là những cảng có công suất rất lớn có thể tiếp nhận tàu lên đến 100.000 tấn. Điều này làm gia tăng mạnh mẽ độ cạnh tranh trong phân khúc khai thác hàng rời, nguy cơ ảnh hưởng đến sản lượng và mặt bằng giá dịch vụ tại cảng.
- Do các chính sách thắt chặt tiền tệ trước đây, thị trường ngành xây dựng bị đóng băng và một số dự án quốc gia bị tạm hoãn làm ảnh hưởng trực tiếp đến sự lưu thông một số mặt hàng chủ lực qua cảng như bột đá, sắt thép, cọc bê tông, than đá,...
- Việc mở rộng khách hàng doanh nghiệp nước ngoài còn gặp khó khăn khi các công ty này có xu hướng sử dụng dịch vụ trọn gói, dịch vụ được cung cấp từ các công ty cùng quốc gia và yêu cầu chất lượng dịch vụ cao.
- Hàng hóa container sau khi xuất cảng Long Bình Tân sẽ được trung chuyển đến các cảng Cát Lái, Hiệp Phước, Cái Mép để đưa lên tàu xuất sang các nước khác. Tuy nhiên, tuyến vận tải Cát Lái – Đồng Nai có giá cước cao dẫn đến giảm tính cạnh tranh, ảnh hưởng sản lượng khai thác hàng container.

Trong hoàn cảnh tồn tại những khó khăn đó, với sự hỗ trợ và chỉ đạo kịp thời sát sao của HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể đội ngũ cán bộ công nhân viên đã đoàn kết, chủ động đưa ra, nỗ lực hết mình thực hiện nhiều giải pháp và chương trình hành động cụ thể để khắc phục khó khăn, tận dụng những cơ hội, thế mạnh vốn có để hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh doanh được giao, kết quả cụ thể:

Sản lượng:

Hàng Container: 255.709 TEU tăng 31,26% so với cùng kỳ.

Hàng Tổng hợp: 3.414.893 Tấn tăng 27,66% so với cùng kỳ

Doanh thu thuần: 270.101.377.039 Đồng tăng 33,21% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận sau thuế: 47.631.180.804 Đồng tăng 6,12% so với cùng kỳ.

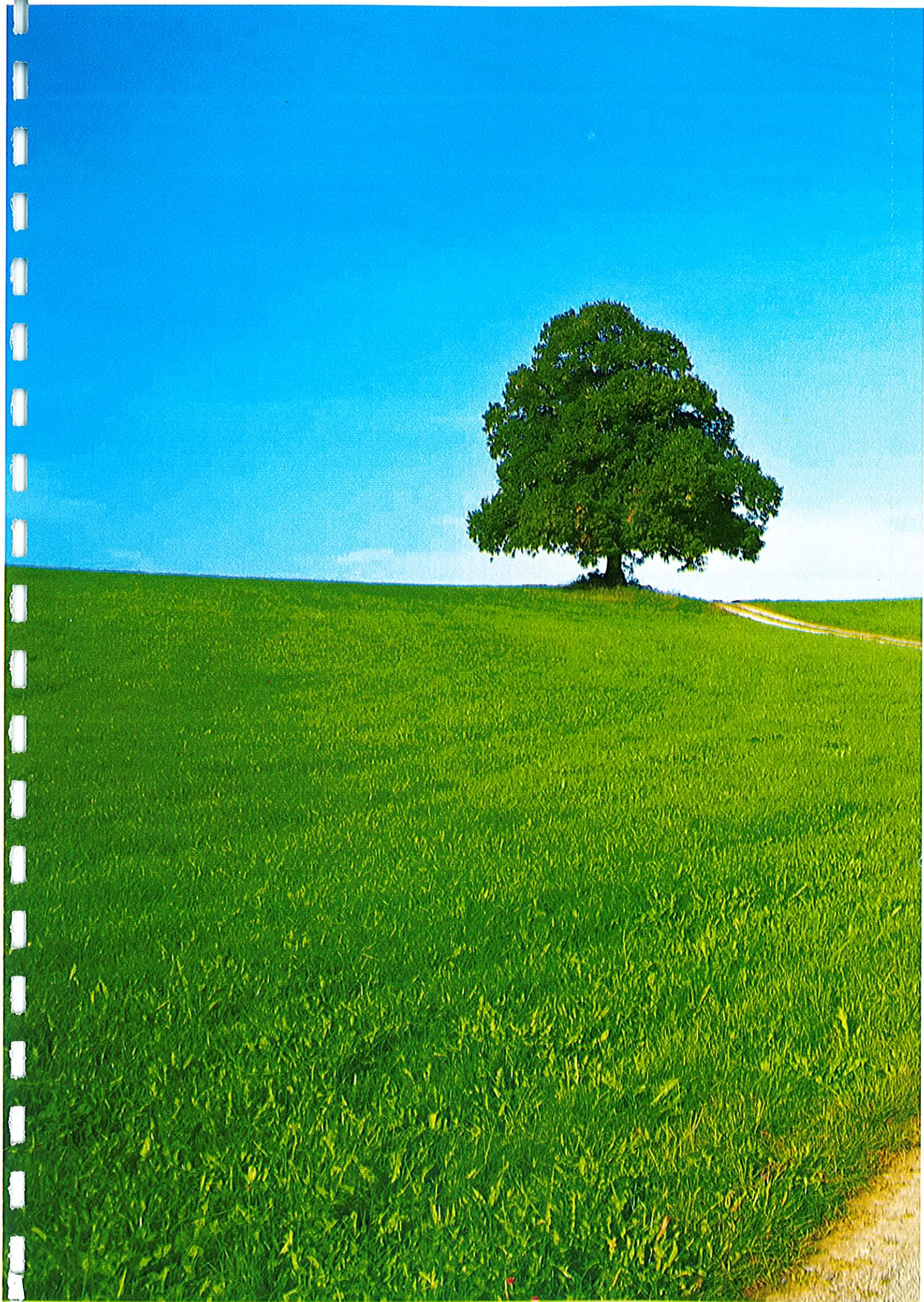
Sang năm 2015, Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai sẽ còn phải tiếp tục đối mặt với những khó khăn đang hiện hữu trong ngành, đặc biệt là mức độ cạnh tranh trong khu vực đang diễn ra ngày càng gay gắt. Tuy nhiên, tiếp tục phát huy những thành quả đạt được trong năm vừa qua, Ban lãnh đạo đã đề ra các mục tiêu và triển khai từng hành động cụ thể để điều hành con tàu PDN tiếp tục vững bước trên con đường phát triển:

- Hướng đến mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh, thông qua cải thiện chất lượng dịch vụ, mở rộng và kéo dài chuỗi cung cấp dịch vụ.
- Áp dụng chính sách bán hàng linh hoạt, thường xuyên theo dõi bám sát thị trường nhằm phân tích, đánh giá chính xác kịp thời nhu cầu khách hàng. Nâng cao hiệu quả của công tác tiếp thị, truyền thông đưa hình ảnh thương hiệu PDN rộng rãi đến khách hàng.
- Chú trọng đến chất lượng nguồn nhân lực: đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay, nâng cao năng suất, hiệu quả lao động.

Với những thành quả đã đạt được trong năm 2014, cùng với những nỗ lực quyết tâm của toàn thể đội ngũ cán bộ công nhân viên, Ban lãnh đạo tin tưởng Công ty sẽ tiếp tục vượt qua những khó khăn đang đối mặt để hoàn thành tốt đẹp kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, từng bước khẳng định và phát triển PDN trở thành thương hiệu đáng tin cậy cho khách hàng.

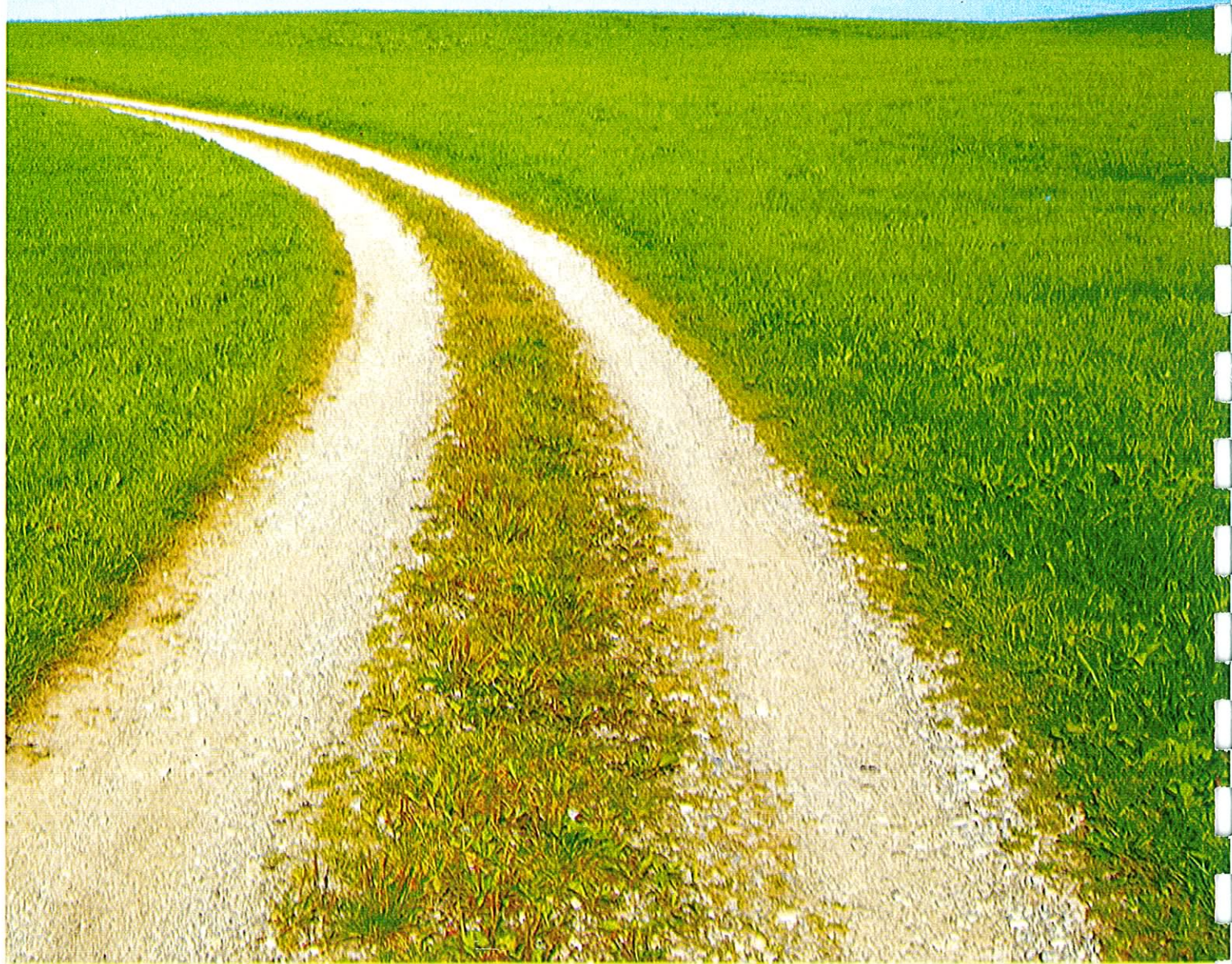
Thay mặt Ban điều hành, Tôi xin cảm ơn và kính chúc sức khỏe, hạnh phúc, thành công tới Quý vị cổ đông, khách hàng cùng toàn thể cán bộ công nhân viên CTCP Cảng Đồng Nai.

Tổng giám đốc
Nguyễn Thị Bạch Mai



THÔNG TIN CHUNG

- Tổng quan về doanh nghiệp
- Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi
- Lịch sử hình thành và phát triển
- Lĩnh vực và địa bàn hoạt động
- Mô hình tổ chức và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



Tổng quan về doanh nghiệp

Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai
Mã cổ phiếu:	PDN
Giấy CNĐKDN số:	3600334112 (Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 4703000301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 24 tháng 12 năm 2014)
Vốn điều lệ:	123.479.870.000 đồng
Vốn đầu tư chủ sở hữu:	123.479.870.000 đồng
Địa chỉ:	18-D3 KP. Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai
Số điện thoại:	061 3832225
Fax:	061 3831259
Email:	info@dongnaiport.com.vn
Website:	www.dongnai-port.com



Tầm nhìn

Hướng tới sản lượng hai mươi triệu tấn xếp dỡ vào năm 2020.

Sứ mệnh

Mang lại chuỗi cung ứng tốt nhất cho khách hàng và lợi ích bền vững cho nhà đầu tư.
Hoạt động hiệu quả, an toàn, môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện.
Cảng Đồng Nai nỗ lực vì sự phát triển kinh tế, góp phần xây dựng tỉnh Đồng Nai theo hướng
Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa.

Giá trị cốt lõi

Trách nhiệm - Hợp tác - Hành động - Ảnh hưởng tích cực - Đạt mục tiêu.



Điểm mạnh

Vị trí địa lý

Giao thông đường bộ, đường thủy thuận lợi cho việc khai thác hàng hóa

Thương hiệu

Thương hiệu mạnh và có lượng khách hàng truyền thống gắn bó từ nhiều năm

Chuỗi giá trị

Chuỗi giá trị về chi phí thấp hơn ICD

Chi phí chuỗi dịch vụ logistic cạnh tranh do khả năng kết hợp phương thức vận tải thủy & bộ

Năng lực khai thác

Cảng Gò dầu mở rộng có thể tiếp nhận 30.000 DWT

Quý đất phát triển cho dịch vụ logistics còn nhiều thuận lợi phát triển kho, bãi

Điểm yếu

Sản phẩm – dịch vụ & phí

Dịch vụ, chuỗi dịch vụ chưa hoàn chỉnh

Sản phẩm chưa đa dạng, chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng của khách hàng

Dịch vụ khách hàng còn yếu

Các chi phí phụ thu, cước lai đắt cao so với cảng đối thủ chính

Điều hành & quản trị

Quy trình chưa sát với thực tế

Công tác bố trí thiết bị và nhân công làm hàng còn chậm

Chưa có hệ thống đánh giá và trả lương theo năng suất.

Chưa có hệ thống quản trị dữ liệu tập trung

Năng lực quản lý và lãnh đạo chưa hiệu quả và chuyên nghiệp

Nhân sự

Phân tích quản trị

Công nghệ & Thiết bị

Công nghệ xếp dỡ, công nghệ thông tin lạc hậu

Marketing & Bán hàng

Chưa xây dựng hệ thống đại lý quốc tế

Chưa chủ động tìm kiếm khách hàng

Cơ hội

Nhu cầu phát triển vận tải thủy nội địa tăng, tiềm năng phát triển và mở rộng.

Tăng trưởng ngành tương đối ổn định (7% - 9%)

Kim ngạch XNK tăng ổn định

Kinh tế VN và khu vực có dấu hiệu phục hồi và tăng trưởng tốt hơn

Quy định hạn chế tải trọng vận tải bộ tạo cơ hội phát triển vận tải thủy

Thách thức

Cạnh tranh từ cảng sông, bến xả lan trong KCN Nhơn Trạch tàu biển có trọng tải 3.000 DWT

Khu vực Đồng Nai hạn chế về lượng container rỗng

DN nước ngoài có xu hướng sử dụng DV trọn gói

Áp lực của khách hàng về chất lượng dịch vụ cũng như giá bán dịch vụ

Thủ tục HQ tại Cảng chưa thông thoáng so với các ICD

Kiểm định trọng tải xe sẽ ảnh hưởng đến một số nguồn hàng

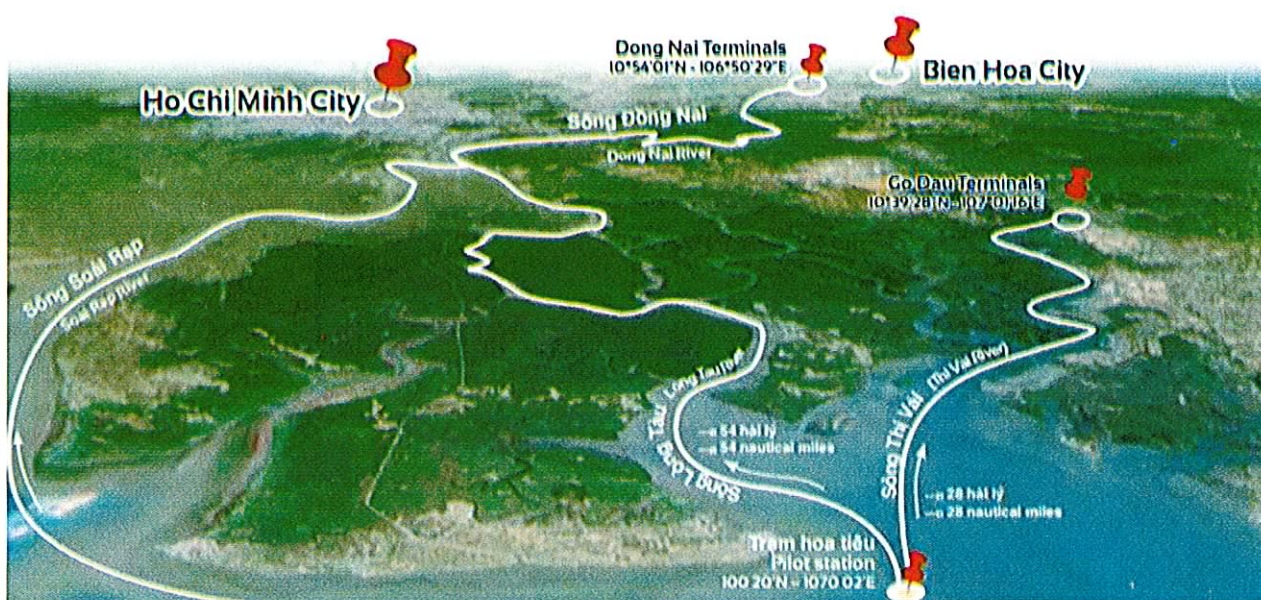
Đường cao tốc Long Thành từ tháng 8 đã cho phép xe container lưu hành gây ảnh hưởng đến các DN khu vực Long Thành, Nhơn Trạch, Gò Dầu

Lĩnh vực hoạt động

- Dịch vụ kho bãi, cảng biển
- Dịch vụ ICD, xếp dỡ, kiểm đếm, đóng rút, lưu trữ, giao nhận hàng hóa
- Dịch vụ giao nhận door to door nội địa
- Dịch vụ Logistics và khai thuê hải quan
- Dịch vụ vận tải hàng hóa thủy bộ, vận tải đa phương thức
- Dịch vụ sửa chữa khác

Địa bàn kinh doanh

Công ty đang cung cấp các dịch vụ cho khách hàng tại khu vực Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, TP. HCM, Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Dương.



Quá trình tăng vốn

Năm phát hành	Các lần tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ lũy kế (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn
2006	34.990	-	34.990	-
02/2008	34.990	14.010	49.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
06/2008	49.000	2.450	51.450	Cổ phiếu thưởng
11/2010	51.450	30.870	82.320	Cổ phiếu thưởng và phát hành cho cổ đông hiện hữu
08/2014	82.320	41.160	123.480	Tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu



Quá trình hình thành và phát triển

1989

Ngày 06/06/1989: UBND Tỉnh Đồng Nai quyết định thành lập Cảng Đồng Nai. Nguồn kinh phí hoạt động ban đầu từ thuế phải nộp của các doanh nghiệp ngành GTVT trên địa bàn Tỉnh Đồng Nai được để lại. Khoản vốn này không được nhận một lần mà nhận từng ngày theo kết quả kinh doanh của các đơn vị.

1994

Tháng 08/1994: Cảng chính thức ký với Công ty UIC vay 150 nghìn USD để xây dựng 30m cầu cảng 5.000DWT tại Cảng Gò Dầu A
Tháng 10/1994: Ký kết với Công ty Liên doanh VT-Gas thuê bãi 20 năm trả trước 10 năm lấy vốn đầu tư xây dựng Cảng

1995

Ngày 28/06/1995, UBND Tỉnh Đồng Nai quyết định thành lập Doanh nghiệp Nhà nước Tỉnh Đồng Nai theo Nghị định 388-HĐBT ngày 20/11/1991.
Khánh thành kho hàng 1.500m² đầu tiên của Cảng Đồng Nai.
Khởi công xây dựng 1,2km đường vào Cảng Gò Dầu A bằng nguồn vốn của Tỉnh Đồng Nai vay Công ty TNHH Vedan, sau đó các DN trong KCN Gò Dầu góp vốn hoàn trả (Cảng Đồng Nai góp nhiều nhất)
Nhận và triển khai công tác bồi thường Cảng Gò Dầu B

1996

Khởi công Dự án Nghiên cứu cải tạo đoạn cong luồng vào Cảng Gò Dầu tạo điều kiện xây cầu 15.000DWT
Bắt đầu đàm phán với tập đoàn Shell VN để nhận ứng vốn 1 triệu để đầu tư xây dựng cầu cảng và mở rộng bãi tại Cảng Gò Dầu B

1997

Tháng 03/1997: Ký hợp đồng khởi công xây dựng 60m cầu B1 phân đoạn cầu cảng 15.000DWT và mở rộng bãi tại Cảng Gò Dầu B trong thời gian vừa làm thủ tục vừa xây dựng là 18 tháng

1998

Đàm phán với nhà đầu tư Công ty phân bón Việt Nhật JVF để nhận ứng vốn 1,5 triệu USD đầu tư xây dựng cầu cảng 12.000DWT tại Gò Dầu B

2005

Ngày 5/5/2005: Ký kết hợp đồng với Công ty TPC Vina vay vốn 1.5 triệu USD xây dựng cầu cảng B3 tại Gò Dầu B để đón tàu 15.000DWT
Ngày 19/12/2005: Cảng Đồng Nai tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai

2006

Ngày 04/01/2006, Cảng Đồng Nai chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu với vốn điều lệ đăng ký là 49.000.000.000 đồng. Tháng 5/2006, hoàn thành đưa vào sử dụng bến B3 thuộc cảng Gò Dầu B với tổng chiều dài 105m, tiếp nhận tàu có trọng tải đến 15.000 DWT.

Quá trình hình thành và phát triển

Tháng 5/2007, hoàn thành đưa vào sử dụng bến A3 thuộc cảng Gò Dầu A với tổng chiều dài 110m, tiếp nhận tàu có trọng tải 10.000 DWT

2007

Tháng 10/2008: Khánh thành cầu A3, mở rộng, hoàn chỉnh hệ thống cầu cảng Gò Dầu A cho tàu 10.000DWT

2008

Xây dựng Cảng Container 5.000DWT tại Long Bình Tân và mua 2 cầu Liebherr để tác nghiệp hàng hóa

2009

Ngày 03/02/2010: Khánh thành hệ thống cầu cảng Container Long Bình Tân

2010

Tháng 10/2011: Hoàn thành tuyến đường vào Cảng Container Long Bình Tân
Ngày 26/10/2011: Cổ phiếu Công ty CP Cảng Đồng Nai chính thức được niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE

2011

Sản lượng Container đạt mốc 100.000 teus sau 01 năm đưa vào khai thác

2012

Được UBND Tỉnh Đồng Nai tôn vinh là Doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ
Hệ thống kho CFS được chính thức đưa vào hoạt động.
Khởi công 100m dài cầu cảng 3.000DWT tại khu vực Long Bình Tân

2013

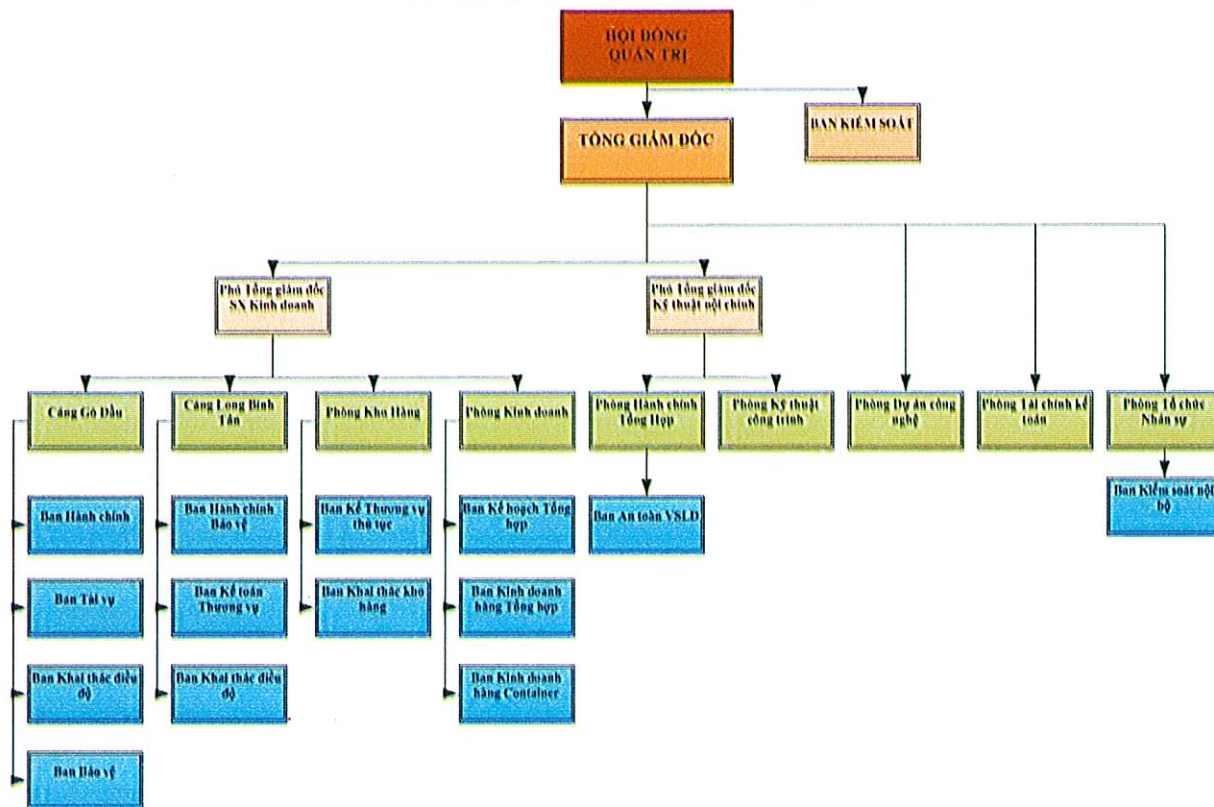
Ngày 23/09/2014: Khởi công xây dựng cầu cảng 30.000DWT tại Cảng Gò Dầu
Kho ngoại quan được cấp phép hoạt động
Sản lượng xếp dỡ: 3.494.504 tấn. 255.709 Teus. Doanh thu: 270.101 tỷ đồng; tăng 30% so cùng kỳ; tăng 182% so với năm 2010

2014

Mô hình tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua. PDN có cơ cấu tổ chức như sau:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY NĂM 2014



Công ty con, Công ty liên kết

STT	Công ty liên kết	Lĩnh vực	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp của PDN
1	Công ty Cổ phần Cảng Long Thành Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	Khai thác dịch vụ, hạ tầng cảng biển và xếp dỡ hàng hóa	5.550.000.000	30%
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai Địa chỉ: Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ xếp dỡ, xăng dầu, vận tải...	30.000.000.000	45%

Tình hình hoạt động và tài chính của các công ty liên quan

Công ty CP Cảng Long Thành và Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai là các công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực xếp dỡ, vận tải, kinh doanh xăng dầu, tình hình hoạt động của công ty trong năm tiếp tục khả quan hơn so với năm 2013.

Công ty CP Cảng Long Thành trong năm tạo ra doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 10.677 triệu đồng (tăng 22,56%) và 3.380 triệu đồng (tăng 68,16%).

Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai trong năm có kết quả hoạt động kinh doanh tăng trưởng tốt với doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 67.366 triệu đồng (tăng 163,6%) và 3.433 triệu đồng (tăng 72,74%).

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Hình thành và phát triển dịch vụ logistics toàn diện theo phương hướng mở rộng, đa dạng hóa dịch vụ đưa PDN định hướng trở thành một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics theo đúng với chuẩn mực quốc tế.

Chuyên nghiệp hóa năng lực đội ngũ lãnh đạo nhằm định hướng đường lối chiến lược và điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Nâng cao tay nghề và quán triệt tinh thần phục vụ khách hàng cho cán bộ công nhân viên.

Đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều phối hàng hóa, container trong cảng, kho bãi gia tăng hiệu quả khai thác và tiết kiệm chi phí.

Nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu khách hàng, tạo nền tảng tối ưu hóa năng suất và lợi nhuận.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Xây dựng và phát triển thương hiệu PDN trở thành một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics toàn diện bao gồm các mảng dịch vụ cảng, kho bãi, giao nhận, vận tải thủy bộ. Hướng đến cung cấp dịch vụ trọn gói, hỗ trợ tư vấn giải pháp tối ưu cho khách hàng.

Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng tại cả hai khu vực cảng Long Bình Tân và Gò Dầu. Đầu tư phương tiện xếp dỡ tại cầu cảng và trong bãi theo hướng hiện đại hóa nhằm nâng cao năng lực khai thác hàng hóa đảm bảo mục tiêu năng suất và chất lượng dịch vụ.

Hướng tới mục tiêu sản lượng hàng hóa khai thác đạt 20 triệu tấn vào năm 2020.



Các rủi ro

Rủi ro về kinh tế

Ngành hoạt động logistics như khai thác cầu cảng, kho bãi, vận tải, ... được xem là lĩnh vực phụ trợ cho nền kinh tế. Các hoạt động vận chuyển, lưu thông hàng hóa trong nước và quốc tế là một khâu huyết mạch vận hành, thúc đẩy hoạt động các ngành nghề khác nhau trong nền kinh tế. Ngược lại, sự phát triển của nền kinh tế tạo ra tăng trưởng trong nhu cầu luân chuyển hàng hóa sẽ tạo ra động lực để phát triển ngành. Những thay đổi về chính sách, tình hình kinh tế của Việt Nam và thế giới sẽ tác động lớn tới nhu cầu thông thương hàng hoá, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics, kho bãi, xếp dỡ, vận chuyển, giao nhận hàng hoá. Thêm vào đó, giá vật tư, xăng dầu, nguyên liệu thường xuyên biến động ở mức cao, đồng thời hầu hết các doanh nghiệp trong nước cũng phải đối mặt với áp lực cạnh tranh để có thể đứng vững trong quá trình hội nhập.

Rủi ro về luật pháp

Hoạt động trong thẩm quyền của pháp luật Việt Nam, công ty tất yếu chịu những rủi ro từ hệ thống pháp luật. Nước ta đang ở giai đoạn đầu của thời kỳ hội nhập kinh tế thế giới, hệ thống văn bản pháp quy còn chồng chéo, chưa hoàn thiện, chưa đồng bộ và hòa nhập với hệ thống luật, cũng như thông lệ quốc tế. Trong tương lai gần, những quy định trong Hiến pháp, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và thị trường chứng khoán sẽ có nhiều thay đổi đáng kể. Bất kỳ sự điều chỉnh nào của chính sách cũng sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Ngoài ra, ngành hoạt động kinh doanh logistics tại Việt Nam vẫn còn trong giai đoạn sơ khai, các quy định trong ngành nghề còn nhiều bất cập và đang trong quá trình hoàn thiện. Tình hình hoạt động của công ty dễ dàng bị ảnh hưởng khi có những thay đổi trong chính sách quản lý liên quan đến ngành bao gồm chậm trễ trong việc thực hiện cắt giảm thuế nhập khẩu theo lộ trình gia nhập WTO, chậm trễ trong việc triển khai dự án cầu cảng, những thay đổi về chính sách xuất nhập khẩu...

Rủi ro đặc thù

Hoạt động khai thác cảng và dịch vụ xếp dỡ phục vụ cho nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là hoạt động xuất nhập khẩu. Sự tăng trưởng về xuất nhập khẩu luôn gắn liền với chính sách khuyến khích hay hạn chế xuất nhập khẩu của Chính phủ. Khi chính sách xuất nhập khẩu của Chính phủ thay đổi sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kim ngạch xuất nhập khẩu, tác động đến hoạt động kinh doanh của ngành khai thác cảng, kho bãi và tất yếu tác động đến công ty.

Ngoài những tác động từ chính sách trong nước, hoạt động xuất nhập khẩu còn phụ thuộc vào tình hình đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và nền kinh tế của cả thế giới. Trong khi đó, nền kinh tế thế giới vẫn còn nhiều phân hóa, tình hình thương mại quốc tế, vận tải thế giới đang gặp rất nhiều khó khăn dẫn tới nhu cầu lưu thông hàng hóa giữa các nước cũng như trao đổi hàng hóa giữa Việt Nam và thế giới gặp nhiều khó khăn.

Trong đặc trưng hoạt động khai thác cảng và kho bãi, công ty phải đầu tư lớn chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh vào cơ sở hạ tầng như cầu cảng, hệ thống kho bãi, các trang thiết bị xếp dỡ vận chuyển như cầu bờ, xe nâng.

Điều kiện thiên nhiên cũng là một nhân tố rủi ro lớn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Sản lượng và hiệu quả của cảng phụ thuộc vào mùa mưa bão, lũ lụt, thiên tai, ... gây thiệt hại về đường sá, khó khăn cho các phương tiện vận tải thủy bộ trong việc vận hành.

Rủi ro cạnh tranh

Việt Nam chính thức gia nhập WTO là cơ hội rất lớn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng. Tuy nhiên, sự cạnh tranh về giá cước dịch vụ giữa các cảng trong khu vực sẽ gây không ít khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, sự gia tăng về số lượng cảng mới hình thành cũng như việc mở rộng hợp tác kinh doanh liên doanh với đối tác nước ngoài của các doanh nghiệp trong ngành sẽ làm hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng khó khăn. Sự cạnh tranh tạo ra mức cước phí rẻ hơn, do vậy đây có thể là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp cùng ngành.



Rủi ro dự án

Hiện nay, công ty đang trong giai đoạn mở rộng đầu tư, hoàn chỉnh các hạng mục công trình lớn nên một trong những khó khăn mà công ty phải đối mặt là vấn đề tiến độ thực hiện công trình. Trong khi tiến độ đang gặp phải vướng mắc trong khâu đền bù giải tỏa và tái định cư cho người dân tại khu vực, do các chính sách về giá đất đai luôn thay đổi nên công ty luôn phải cập nhật để đưa ra mức giá đền bù phù hợp. Mặt khác, công ty cũng gặp khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn vốn tài trợ cho các dự án đầu tư lớn do đó, tiến độ thực hiện một phần phải chậm lại.

Rủi ro tỷ giá và lãi suất

Hiện công ty đang đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, các dự án có vốn đầu tư lớn và được tài trợ từ các tổ chức tín dụng. Vì vậy, những sự thay đổi trong chính sách tiền tệ từ Chính phủ sẽ tác động lên lãi suất làm ảnh hưởng đến chi phí lãi vay của công ty.

Rủi ro khác

Trong hiện tại, nền kinh tế toàn cầu dần phục hồi nhưng vẫn còn tồn tại nhiều bất ổn kèm bên vững khi có sự phân hóa lớn giữa các quốc gia, khu vực. Do đó, triển vọng kinh tế thế giới trong những năm tiếp theo vẫn còn nhiều rủi ro và khó có thể dự báo rõ ràng.

Hệ thống giao thông vẫn còn thiếu đồng bộ gây ách tắc, hạn chế thời gian và tăng chi phí vận chuyển hàng hoá. Các dự án phát triển cơ sở hạ tầng kết nối giữa các khu công nghiệp và Cảng Đồng Nai phải chịu phụ thuộc vào chính sách đầu tư của địa phương và quy hoạch từ Chính phủ.

Các rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho con người, tài sản và tình hình hoạt động chung của công ty. Nhằm hạn chế rủi ro này, công ty đã và sẽ thực hiện giải pháp mua bảo hiểm vật chất cho các tài sản tham gia trong quá trình kinh doanh.

Quản trị rủi ro

Để công tác quản trị rủi ro có một hành lang hoạt động thông thoáng, phối hợp nhịp nhàng với các đơn vị, các quy chế quản trị rủi ro đã được ban hành. Theo đó, bộ phận quản trị rủi ro phải thường xuyên nắm bắt, cập nhật các vấn đề phát sinh tại đơn vị và nhanh chóng xây dựng, triển khai quy trình kiểm soát quản lý rủi ro với các nhiệm vụ cụ thể:

Rà soát, góp ý để hoàn thiện quy trình sản xuất kinh doanh của từng đơn vị.

Tiến hành kiểm soát nội bộ định kỳ và đột xuất nhằm giảm thiểu chi phí bất hợp lý; giảm thất thoát để tăng hiệu quả hoạt động.

Tập trung công tác cắt giảm chi phí toàn diện ở từng đơn vị, từng bộ phận. Phối hợp với các đơn vị phân tích hiệu quả và lựa chọn phương án kinh doanh phù hợp trước khi triển khai.

Rà soát, theo dõi kết quả thực hiện của từng đơn vị. Cảnh báo các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành mục tiêu, đánh giá và kiến nghị biện pháp xử lý những tồn tại.

Để giảm thiểu các rủi ro trên, ngoài việc mua các loại bảo hiểm rủi ro trong quá trình khai thác cảng, công ty đang nỗ lực trong việc giải phóng hàng hóa nhanh cho khách hàng, cải cách thủ tục giao nhận hàng hóa tại công ty để rút ngắn thời gian chờ đợi cho khách hàng, thiết lập quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, các nhà thầu vận tải, kinh doanh khai thác cảng để tạo thành chuỗi cung ứng dịch vụ khép kín để đưa hàng hóa từ kho nhà máy của khách hàng về đến cảng đích của nơi nhận hàng và phát huy lợi thế về vị trí địa lý gần các khu công nghiệp.

Công ty cũng có những giải pháp như rà soát và yêu cầu các nhà thầu xây dựng thực hiện đúng tiến độ công trình để sớm đưa các hạng mục công trình đi vào khai thác và phát sinh chi phí do biến động giá cả vật tư... xúc tiến mạnh mẽ công tác đền bù và xây lắp mặt bằng các dự án đã được phê duyệt để đẩy nhanh tiến độ đầu thầu, thi công và đưa vào khai thác kịp tiến độ nhằm hạn chế việc bỏ lỡ cơ hội kinh doanh.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

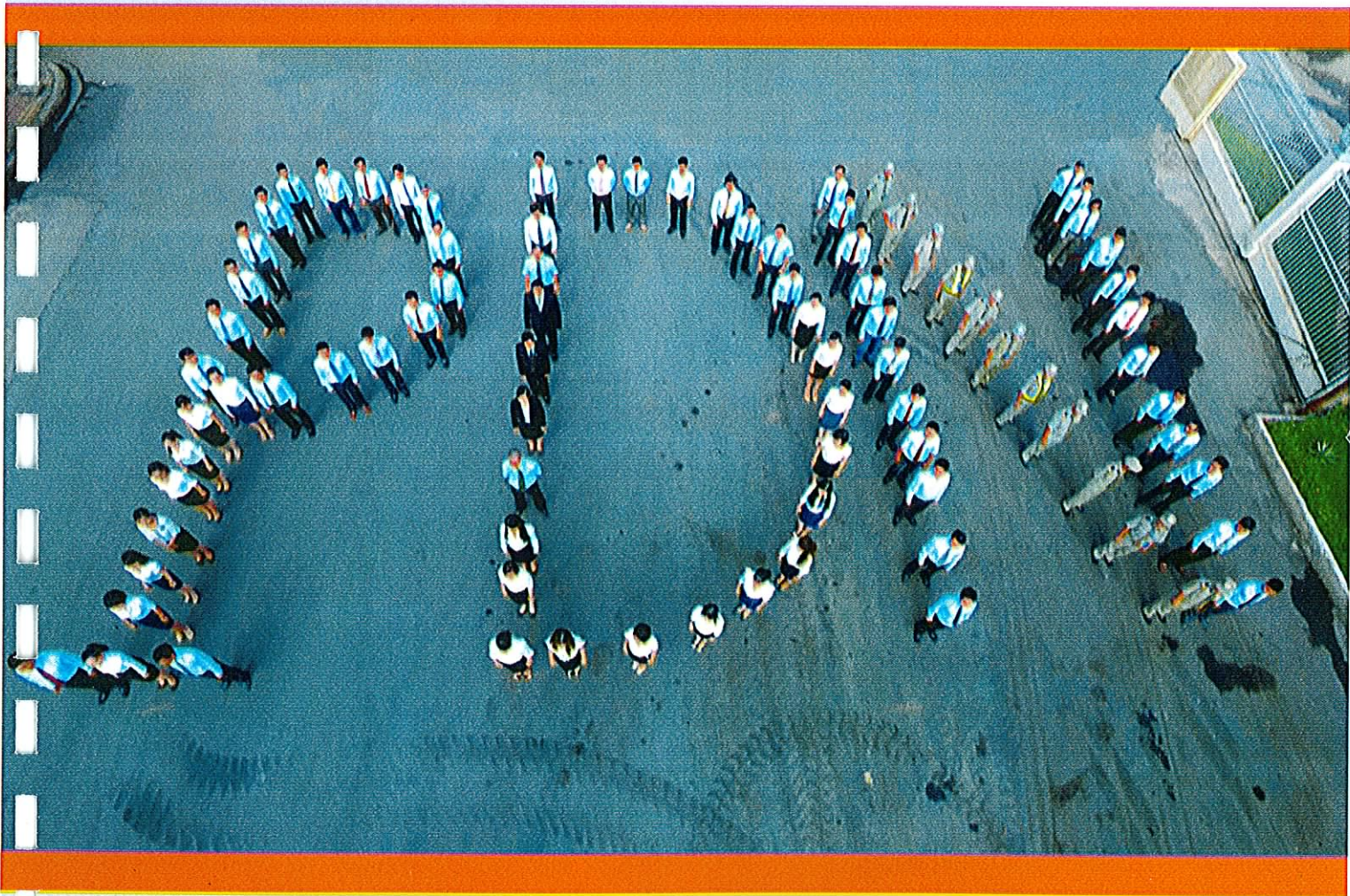
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu



Tình hình chung

Trong năm 2014, tình hình kinh tế thế giới bước vào giai đoạn phục hồi chậm sau suy thoái, tuy nhiên lại kém bền vững khi tổng thể còn tồn tại sự phân hóa lớn. Một mặt, các chỉ số của nền kinh tế Mỹ liên tục phát ra tín hiệu khả quan vượt kỳ vọng, xác nhận thời kỳ phục hồi tăng trưởng mạnh mẽ của kinh tế Mỹ. Trong khi đó, nhiều nền kinh tế mới nổi gặp trở ngại khi bước vào giai đoạn tái cơ cấu kinh tế và điều chỉnh mô hình tăng trưởng. Đồng thời, cuộc khủng hoảng chính trị tại Ukraine càng làm tiêu cực hơn tình hình kinh tế tại khu vực đồng Euro, các nước Đông Âu và Nga. Sau nhiều lần điều chỉnh, cuối năm 2014, quỹ tiền tệ thế giới IMF dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2015 là 3,8%.

Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2014 đã bước đầu cho thấy những chuyển biến tích cực sau thời kỳ dài thực hiện chính sách tái cơ cấu kinh tế ổn định vĩ mô. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2014 ước tính tăng 5,98% so với năm 2013, vượt kế hoạch đề ra, trong khi giữ vững ổn định kinh tế với chỉ số CPI bình quân năm 2014 tăng 4,09% so với bình quân năm 2013,

mức tăng khá thấp trong 10 năm trở lại đây. Đồng thời, theo thống kê của Tổng cục Hải quan, tính từ đầu năm đến hết tháng 12/2014, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá cả nước đạt hơn 298,24 tỷ USD, tăng 12,9%, tương ứng tăng 34,17 tỷ USD so với năm 2013; trong đó xuất khẩu đạt kim ngạch 150,19 tỷ USD, tăng 13,7%, tương ứng tăng hơn 18,15 tỷ USD; và nhập khẩu đạt hơn 148,05 tỷ USD, tăng 12,1%, tương ứng tăng hơn 16,02 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2014 đạt mức thặng dư 2,14 tỷ USD, mức cao nhất từ trước đến nay. Theo số liệu từ Tổng cục thống kê, vận tải hàng hóa năm 2014 ước tính đạt 1,066.6 triệu tấn, tăng 5,6% và 222 tỷ tấn.km, tăng 1,7% so với năm 2013.

Đối với ngành khai thác cảng, được xem là ngành dịch vụ phụ trợ cho nền kinh tế. Do đó, tương ứng khi kinh tế phát triển, nhu cầu luân chuyển hàng hóa gia tăng sẽ là động lực chính cho tiềm năng phát triển ngành khai thác cảng. Ngành khai thác cảng tại Việt Nam hiện nay phần lớn chỉ phát triển ở mức độ là cảng trung chuyển quốc tế,

hàng hóa sau khi rời cảng sẽ được tập kết ở một cảng quốc tế khác trong khu vực để vận tải viễn dương như cảng Singapore, Thượng Hải, Busan... Tổng sản lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng Việt Nam ước tính tăng trung bình 9 – 10%/năm đều đặn trong giai đoạn 2008 – 2014.

Tuy nhiên, tình hình thực tế cụ thể trong ngành vẫn tiếp tục tồn tại nhiều bất cập. Tại khu vực cảng Hải Phòng, mặc dù tình trạng dư thừa công suất cảng biển không cao so với khu vực Miền Nam, tuy nhiên mức độ phân bố tập trung cao dẫn đến cước phí cảng luôn ở mức thấp trong nhiều năm liền do áp lực cạnh tranh giành thị phần. Tại khu vực miền Nam, tình hình khai thác cảng có sự phân hóa cao trong từng cụm nhỏ. Tình trạng dư thừa công suất đặc biệt nghiêm trọng tại khu vực Cái Mép – Thị Vải và Hiệp Phước, trong khi khu vực cảng Cát Lái luôn quá tải và ùn tắc. Mặt khác, các cảng trung chuyển nội địa hoạt động tương đối ổn định và phát triển đồng bộ với các khu công nghiệp xung quanh như ICD Phước Long, ICD Sotrans, khu vực cảng Đồng Nai.



Hoạt động kinh doanh của Cảng Đồng Nai

Cảng Long Bình Tân

Cảng Long Bình Tân được thiết kế xây dựng có tổng chiều dài cầu tàu là 270 mét với mớn nước sâu nhất là 8 mét. Từ đặc điểm luồng sông và độ sâu trước cảng, cảng Long Bình Tân có thể tiếp nhận tàu có trọng tải lên đến 5.000 DWT. Các loại hàng hóa chủ yếu thông qua cảng là vật liệu xây dựng, đường và thức ăn gia súc đưa đến từ các đơn vị sản xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Lâm Đồng, Bình Thuận.

Cảng Long Bình Tân được xem là đơn vị đi tiên phong của công ty trong việc chuyển đổi từ khai thác hàng tổng hợp sang hàng container. Cho đến nay, cảng vẫn tiếp tục quá trình đầu tư mở rộng với công suất thông qua cảng là 1 triệu tấn/năm đối với hàng tổng hợp và 250.000 TEU đối với hàng container. Trong năm 2014, sản lượng hàng tổng hợp thông qua cảng Long Bình Tân đã đạt 619.000 tấn, sản lượng hàng container đạt 256.000 TEU.

Định hướng phát triển trong năm 2015, khu vực cảng Long Bình Tân sẽ được tiếp tục đầu tư mở rộng hệ thống kho CFS, kho ngoại quan và bãi container, theo chiến lược kéo dài chuỗi cung cấp dịch vụ Logistics chung của PDN.

Cảng Gò Dầu

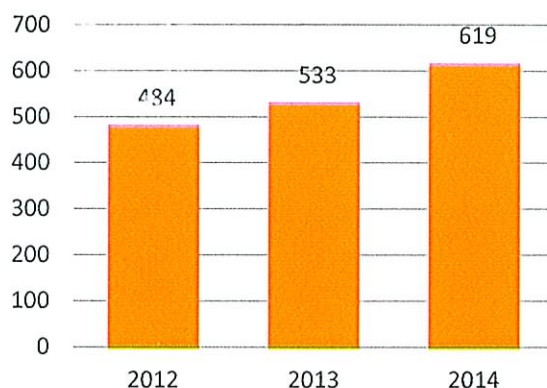
Vị trí cảng Gò Dầu nằm trên sông Thị Vải cách cảng Long Bình Tân 9 giờ vận chuyển bằng đường sà lan. Mớn nước cao nhất là 11m. Do đó, cảng Gò Dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng lên đến 30.000 DWT. Các loại hàng hóa thông qua cảng chủ yếu là than đá, nguyên vật liệu để sản xuất vật liệu xây dựng, phân bón và hóa chất. Hàng hóa sau khi đưa lên tàu rời cảng Gò Dầu được vận tải đến các khu vực cảng phía Bắc và phần lớn đưa sang các cảng trong khu vực Châu Á như HongKong, Busan, Singapore.

Cảng Gò Dầu hiện tại đang trong giai đoạn mở rộng nâng cao công suất mạnh mẽ. Trong năm 2014, dự án nâng cấp cảng Gò Dầu B giai đoạn 1 đã được khởi công, nâng khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng lên đến 30.000 DWT, nhằm mở rộng thị trường khai thác phân khúc tàu tải trọng cao. Dự kiến dự án sẽ được hoàn thành và đưa vào sử dụng trong tháng 8/2015.

Hiện tại, công suất khai thác của cảng Gò Dầu là 4 triệu tấn hàng tổng hợp/năm. Trong năm 2014, sản lượng hàng tổng hợp thông qua cảng Gò Dầu đạt 2,8 triệu tấn, tăng 30,52% so với năm 2013.

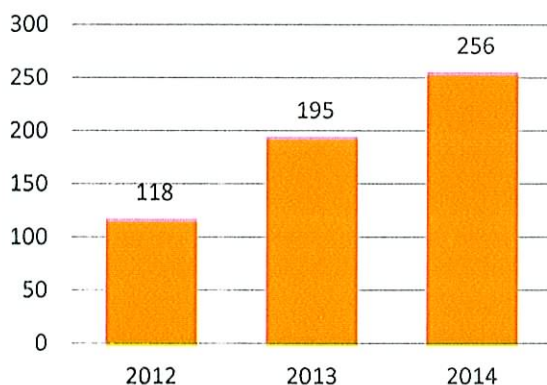
Sản lượng hàng tổng hợp tại Cảng Long Bình Tân

ĐVT: Nghìn tấn



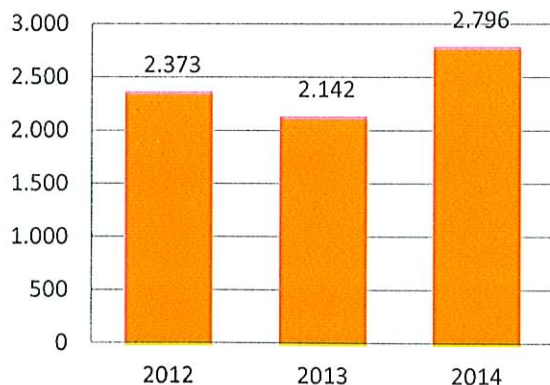
Sản lượng hàng container tại Cảng Long Bình Tân

ĐVT: Nghìn TEU



Sản lượng hàng thông qua Cảng Gò Dầu

ĐVT: Nghìn tấn





Trong tiến trình phát triển đưa công ty hướng đến trở thành mẫu hình cung cấp dịch vụ logistics theo chuẩn mực quốc tế, Cảng Đồng Nai trong năm 2014 đã từng bước hoàn thiện kéo dài chuỗi dịch vụ Kho và Logistics đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ cho khách hàng, phát triển dịch vụ giao nhận hàng hóa door to door nội địa. Điều này tạo nên chuỗi dịch vụ khép kín từ khâu cung cấp nguyên vật liệu cho công ty sản xuất cho đến khâu chuyển thành phẩm đến tay người tiêu dùng.

Năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh của Cảng Đồng Nai tiếp tục khẳng định xu hướng tăng trưởng. Đây là sự minh chứng cho năng lực và tâm huyết của Ban lãnh đạo và đội ngũ CB – CNV trong việc đổi mới tư duy, chiến lược kinh doanh. Đồng thời, công ty tận dụng được vị trí địa lý thuận lợi, hệ thống cơ sở hạ tầng kết nối vào cảng tương đối hoàn thiện.

Ngoài việc đầu tư phát triển cơ sở để nâng cao công suất, Cảng Đồng Nai tích cực trong việc đẩy mạnh chính sách bán hàng, mở rộng công tác Marketing quảng bá hình ảnh và thương hiệu của PDN. Với phương hướng làm việc đổi mới năng động và khoa học, chú trọng nâng cao dịch vụ khách hàng, công ty luôn theo sát khách hàng và xây dựng riêng cơ sở dữ liệu thị trường, từ đó phân tích và đánh giá chính xác để đưa ra các chiến lược hợp lý nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng, cũng như xác định chính sách giá bán hàng hợp lý kịp thời.

Vấn đề con người càng được công ty chú trọng và xem là cốt lõi trong chiến lược dịch vụ khách hàng. Đội ngũ quản lý và các bộ phận kinh doanh trực tiếp được trẻ hóa, năng động, phong cách làm việc khoa học và chuyên nghiệp. Các chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực liên tục được triển khai nhằm gia tăng thích nghi với mô hình sản xuất và môi trường kinh doanh liên tục đổi mới. Đồng thời, trong công tác quản lý, công ty triển khai xây dựng KPI cho toàn bộ đội ngũ lãnh đạo và cán bộ quản lý để đánh giá năng lực và đo lường hiệu quả công việc.

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2014	%TH2014 /KH2014	%TH2014 /TH2013
Sản lượng hàng tổng hợp	Nghìn Tấn	2.675	3.415	3.300	103%	127,66%
Sản lượng hàng container	Nghìn Teu	195	256	260	98%	131,28%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	202.768	270.101	210.000	128,62%	133,21%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	47.532	50.322	48.000	104,84%	105,87%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	44.886	47.631			106,12%



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Doanh thu

Trong năm 2014, tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh của công ty đạt 270.101 triệu đồng vượt 28,62% kế hoạch đề ra, tăng trưởng 33,21% so với năm 2013. Các mảng kinh doanh của công ty đều có mức tăng trưởng cao, trong đó:

Doanh thu từ mảng khai thác hàng tổng hợp tại cảng Long Bình Tân đạt 30.288 triệu đồng, tăng trưởng 43,1% so với năm 2013, chiếm 11,3% trong cơ cấu doanh thu.

Doanh thu từ mảng khai thác hàng tổng hợp tại cảng Gò Dầu đạt 153.707 triệu đồng, tăng trưởng 28,2% so với năm 2013, chiếm 57,5% trên doanh thu.

Doanh thu từ mảng khai thác hàng container tại cảng Long Bình Tân đạt 83.506 triệu đồng. Đây là mảng vừa được mở rộng khai thác từ năm 2011 và cho đến nay đã đạt được thành công bước đầu với tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2012 – 2014 là 49,3%/năm.

Tuy nhiên, hiện tại tình hình hoạt động kinh doanh của công ty vẫn còn tồn tại một số mặt hạn chế khi việc nỗ lực đẩy mạnh mở rộng khai thác khách hàng mới đạt kết quả chưa như mong đợi. Mảng vận tải thủy bộ đóng vai trò kết nối các mắt xích trong chuỗi logistics phát triển còn hạn chế chưa kết nối được các nhà cung cấp dịch vụ với khách hàng. Việc tăng doanh thu đối với dịch vụ vận tải thủy bộ chưa đạt được mục tiêu đề ra trong kế hoạch 2014.

Việc đàm phán với Cảng Cát Lái để khai thác dịch vụ trung chuyển từ cảng Đồng Nai đi Cát Lái nhằm phục vụ lượng khách hàng tại khu vực TP.HCM – Biên Hòa chưa có tiến triển tốt. Chỉ tiêu sản lượng và doanh thu đối với dịch vụ vận chuyển tuyến hàng này chưa đạt mục tiêu mong đợi.

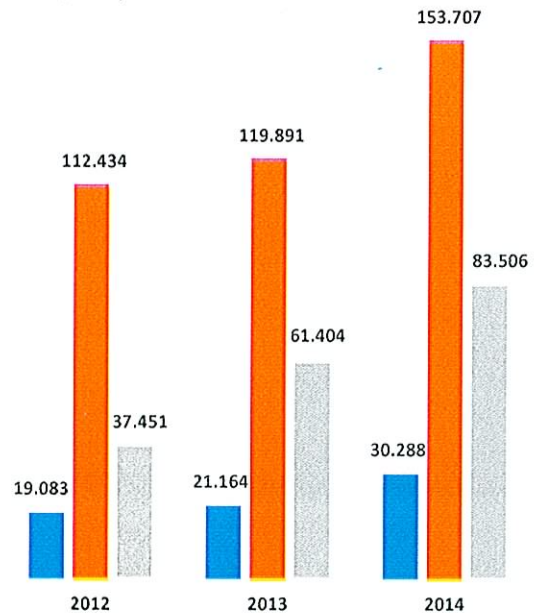
Tuy công tác truyền thông đến các khách hàng của công ty đã được chú trọng, nhưng chất lượng của hoạt động này chưa được đánh giá và còn một số doanh nghiệp nước ngoài trong tỉnh Đồng Nai vẫn chưa có thông tin về Cảng Đồng Nai.

Lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế cả năm 2014 đạt 50.226 triệu đồng, đạt 104,64% so với kế hoạch và tăng trưởng 5,67% so với năm 2013. Lợi nhuận sau thuế đạt 47.539 triệu đồng, tăng 5,91% so với năm 2013.

Doanh thu theo loại hàng hóa

DVT: Triệu đồng



■ Hàng tổng hợp Cảng Long Bình Tân
■ Hàng tổng hợp Cảng Gò Dầu
■ Hàng Container



Thành viên Hội đồng quản trị



ÔNG ĐỖ VĂN SÂM

Chủ tịch Hội đồng quản trị

1982 – 1989: Cán bộ kỹ thuật Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai.

1989 – 1996: Cán bộ kỹ thuật Cảng Đồng Nai.

1997 – 2000: Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Cảng Đồng Nai.

2000 – 2005: Phó Giám Đốc Cảng Đồng Nai.

2006 – 6/2010: Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.

7/2010 – Nay: Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật và Nội chính Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai



BÀ NGUYỄN THỊ BẠCH MAI

Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

1987 – 1989: Kỹ sư Ban quản lý dự án Sở GTVT Đồng Nai.

1989 – 1991: Cán bộ kỹ thuật Cảng Đồng Nai

1991 – 1993: phụ trách phòng Kỹ thuật

1993 – 12/1999: Phó Giám Đốc Cảng Đồng Nai.

1/2000 – 11/2006: Phó Giám đốc Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai.

11/2006 – 3/2008: Chuyên viên chính Văn phòng UBND Tỉnh ĐN

3/2008 – 9/2009: Phó ban Dự án Công ty Phát triển KCN Biên Hòa.

10/2009 – 3/2010: Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.

4/2010 – 6/2010: Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai

7/2010 – Nay: Phó chủ tịch HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai



ÔNG NGUYỄN NGỌC TUẤN

Thành viên Hội đồng quản trị

1995 – 1996: Nhân viên Điều độ Phân Cảng Gò Dầu – thuộc Cảng ĐN

1996 – 04/1998: Cán bộ phụ trách Thương vụ Cảng Đồng Nai.

04/1998 – 12/1998: Cán bộ phụ trách phòng thương vụ Cảng Đồng Nai.

12/1998 – 2000: Phó phòng thương vụ Cảng Đồng Nai.

2000 – 2005: Trưởng phòng khai thác thương vụ Cảng Đồng Nai.

2006 – 08/2007: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng khai thác – Điều độ Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.

09/2007 – 08/2009: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai.

09/2009 – 2/2012: trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Khai thác container Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.

3/2012 – Nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai





ÔNG PHAN TRỌNG DŨNG

Thành viên Hội đồng quản trị

06/1994 – 09/1995: Chuyên viên Quản lý Tài chính doanh nghiệp Sở tài chính Đồng Nai.

09/1995 – 10/1999: Phó phòng Nghiệp vụ I Cục quản lý Vốn – Tài sản Nhà Nước tại doanh nghiệp Đồng Nai.

10/1999 – 5/2004: Phó phòng Nghiệp vụ I Chi cục Tài chính doanh nghiệp Đồng Nai.

5/2004 – 2/2006: Phó phòng Kế hoạch tổng hợp Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai.

2/2006 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Đồng Nai, Phó Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai.



ÔNG HUỖNH NGỌC TUẤN

Thành viên Hội đồng quản trị

06/1995 – 09/2005: Nhân viên kế toán, nhân viên xuất nhập khẩu Công ty May Công nghiệp Đồng Nai

10/2005 – 11/2006: Nhân viên kế toán Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai

12/2006 – 27/04/2011: Trưởng ban tài vụ Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai

28/04/2011 – 10/2011: Thành viên HĐQT, Trưởng ban tài vụ Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai

10/2011 – Nay: Thành viên HĐQT, Phó phòng Tài chính – Kế toán Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai

Thành viên Ban điều hành

BÀ NGUYỄN THỊ BẠCH MAI

Tổng giám đốc

ÔNG ĐỖ VĂN SÂM

Phó Tổng giám đốc kỹ thuật và nội chính

ÔNG NGUYỄN NGỌC TUẤN

Phó Tổng giám đốc kinh doanh



BÀ VÒNG THỊ THÚY PHƯỢNG

Kế toán trưởng

12/1978 – 4/1986: Nhân viên kế toán Xí nghiệp hợp doanh Bà Rịa Vũng Tàu

05/1986 – 10/1991: Nhân viên kế toán Công ty vận tải hàng hóa Đồng Nai

11/1991 – 11/1998: Nhân viên Phòng kế toán tài vụ Cảng Đồng Nai

12/1998 – 10/2009: Phó phòng kế toán tài vụ Cảng Đồng Nai nay là Công ty CP Cảng Đồng Nai

11/2009 - Nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán tài vụ (nay là Phòng Tài chính – Kế toán) Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.

Thành viên Ban kiểm soát



BÀ NGUYỄN THỊ HẠNH

Trưởng Ban kiểm soát

11/1997 - 03/2001: Nhân viên kế toán Cty Phát triển KCN Biên Hòa.
 04/2001 - 03/2004: Nhân viên kế toán Cty Thương mại Đầu tư và Phát triển Bình Dương.
 04/2004 - 09/2004: Nhân viên kế toán Cty Phát triển KCN BH
 10/2004 - 08/2005: Kế toán trưởng XN Phát triển Nhà Sonadezi - Cty Phát triển KCN BH.
 09/2005 - 12/2007: Phó phòng Tài chính Kế toán Cty Phát triển KCN Biên Hòa.
 01/2008 - 05/2009: Kế toán trưởng XN Dịch vụ KCN Sonadezi - Cty Phát triển KCN BH.
 06/2009 - 06/2010: Trưởng BKS Công ty Phát triển KCN Biên Hòa. Trưởng BKS Cty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
 07/2010 đến nay: Thành viên Hội đồng Thành viên Tổng Cty Phát triển Khu công nghiệp. Trưởng BKS Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai



ÔNG PHẠM VĂN HUY

Thành viên Ban kiểm soát

1998 – 5/1999: Nhân viên Điều độ phân Cảng GDB tại Cảng Đồng Nai
 6/1999 – 6/2000: Phụ trách ban điều độ phân Cảng Gò Dầu B tại Cảng Đồng Nai
 7/2000 – 12/2005: Trưởng ban Điều độ nay là Ban khai thác Điều độ Cảng Gò Dầu B tại Cảng Đồng Nai
 12/2005 – 7/2009: Thành viên BKS, Trưởng ban Khai thác Điều độ Cảng Gò Dầu B tại Cty cổ phần Cảng Đồng Nai
 8/2009 – 09/2010: Thành viên BKS, Phó Giám đốc kiêm Trưởng ban Khai thác Điều độ Cảng Gò Dầu B tại Cty cổ phần Cảng Đồng Nai
 10/2010 – 2/2012: Thành viên BKS, Phó phòng kinh doanh Cty cổ phần Cảng Đồng Nai.
 3/2012 – 10/2012: Thành viên BKS, phụ trách phòng Kinh doanh CTCP Cảng Đồng Nai.
 11/2012 – 6/2014: Thành viên BKS, Trưởng phòng Kinh doanh CTCP Cảng Đồng Nai
 7/2014 – Nay: Giám đốc Cảng Long Bình Tân, Thành viên BKS CTCP Cảng Đồng Nai



BÀ HOÀNG THỊ THU THỦY

Thành viên Ban kiểm soát

08/1999 – 4/2004: Chuyên viên phòng Nghiệp vụ 3 chi cục tài chính doanh nghiệp
 05/2004 – 2011: Chuyên viên phòng kế toán Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai
 04/2011 – 31/12/2011: Chuyên viên Phòng kế toán Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai; Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai
 01/2012 – Nay: Trưởng phòng Hành chính -- Tổ chức Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai; Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai



Tổ chức và nhân sự

Số lượng Cán bộ nhân viên

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2014, tổng số lao động của công ty là 242 người, phân theo cơ cấu như sau:

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ %
A	Theo trình độ	242	100
1	Trên đại học	8	3,3
2	Đại học	98	40,49
3	Cao đẳng	12	4,95
4	Khác	124	51,23
B	Phân theo hợp đồng lao động	242	100
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	102	42,15
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	140	57,85
3	Hợp đồng theo thời vụ	0	0

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (đồng/tháng/người)

STT	Năm	Mức lương bình quân
1	2011	12.158.000
2	2012	12.928.000
3	2013	13.010.000
4	2014	13.168.000

Chính sách lương thưởng cho cán bộ công nhân viên 2014

Chính sách đối với người lao động

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, yếu tố con người luôn được Công ty CP Cảng Đồng Nai chú trọng đầu tư. Bên cạnh chế độ đãi ngộ với mức thu nhập hấp dẫn, Công ty luôn tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo nhằm khai thác tối đa năng lực của từng CBCNV góp phần vào sự thành công của công ty.

Công ty CP Cảng Đồng Nai cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về chế độ, chính sách đối với người lao động như: Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, chế độ nghỉ phép, chế độ nghỉ dưỡng sức - phục hồi sức khỏe... Ngoài ra, Công ty CP Cảng Đồng Nai còn áp dụng một số chế độ, chính sách riêng nhằm thu hút, thúc đẩy và tạo sự gắn bó lâu dài của Người lao động với PDN như: Chế độ trợ cấp khó khăn thường xuyên và đột xuất, chế độ du lịch, thăm quan, nghỉ mát, chế độ khám sức khỏe định kỳ...

Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ lao động theo luật lao động và các quy định của pháp luật.

Về môi trường làm việc: Văn Phòng làm việc được thiết kế thoáng mát môi trường thân thiện ... lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.



Chính sách lương thưởng, phụ cấp phúc lợi cho người lao động

- Chính sách lương thưởng

Sự thành công của công ty cổ phần Cảng Đồng Nai luôn gắn liền với các yếu tố con người. Do đó, lương thưởng cho CBCNV luôn là mối quan tâm hàng đầu của ban lãnh đạo công ty. Công ty bảo đảm lương cho người lao động đúng hạn. Chính sách lương thưởng phù hợp và hấp dẫn đủ để giữ chân các cán bộ chủ chốt, người lao động của công ty cũng như thu hút người tài

- Chính sách phụ cấp, phúc lợi

Ngoài tiền lương tiền thưởng, người lao động ở Công ty Cổ Phần Cảng Đồng Nai còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vị trí công tác, năng lực làm việc, mức độ đóng góp của mỗi người và kết quả hoạt động của Công ty.

Các chính sách về phúc lợi cho người lao động:

- Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 & ngày phụ nữ Việt Nam 20/10 (nhân viên nữ)
- Quốc tế thiếu nhi 1/6 (con nhân viên dưới 16 tuổi)
- Sinh nhật nhân viên
- Nhân viên khi kết hôn hợp lệ
- Người thân (cha/mẹ ruột, cha/mẹ vợ/chồng, vợ/chồng, con cái) của nhân viên khi qua đời
- Nghỉ mát hàng năm cho nhân viên
- Hỗ trợ nhiên liệu đi lại

Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, ngày gia đình để CBCNV có cơ hội giao lưu và trau dồi thể chất.

Chính sách thu hút và đào tạo nguồn nhân lực

Với mức thu nhập ổn định, nhiều cơ hội thăng tiến, môi trường làm việc tốt, chính sách về lao động đào tạo nguồn nhân lực luôn được ban lãnh đạo chú trọng quan tâm nên công ty CP Cảng Đồng Nai luôn nhận được sự gắn bó và cống hiến hết mình của toàn thể CBCNV công ty. Bên cạnh đó, với các chính sách của mình Công ty CP Cảng Đồng Nai cũng là nơi thu hút được sự quan tâm của các nguồn nhân lực bên ngoài.

Chính sách lương thưởng cho Cán bộ công nhân viên dự kiến năm 2015.

Năm 2015 công ty thay đổi về cơ chế trả lương xác định tính chất, trách nhiệm và mức độ đóng góp của từng vị trí công việc, công bằng, hấp dẫn và cạnh tranh so với thị trường lao động. Chính sách tiền lương, thưởng dựa vào KPI của từng cá nhân và BSC gắn liền phòng ban và BSC công ty đạt được. Môi trường làm việc lành mạnh, phát huy tối đa sự đóng góp của nhân viên vào mục tiêu hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2015 và của những năm tiếp theo.



Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Khu vực cảng Đồng Nai

Mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 1 trên diện tích đất 3ha nhằm tạo nền tảng cho dự án mở rộng cảng giai đoạn 2. Dự án chủ yếu bao gồm san lấp bãi, xây dựng cầu tàu 5.000 DWT, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và nạo vét luồng nước trước bến. Dự án bắt đầu được đưa vào khai thác từ tháng 8/2012.

Mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2 trên diện tích đất 9ha bao gồm san lấp tạo bãi, nạo vét và xây dựng bến sà lan 3.000 DWT, đầu tư xây dựng bãi chứa hàng và kho CFS để phục vụ khai thác hàng container. Tiến độ thực hiện dự án trong năm 2014 đã hoàn thành công tác đền bù, giải phóng và san lấp được 5ha mặt bằng. Dự kiến trong năm 2015 sẽ hoàn thành toàn bộ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại.

Khu vực cảng Gò Dầu

Mở rộng cảng Gò Dầu B giai đoạn 1 đã được khởi công trong năm 2014 trên khu đất có diện tích hơn 22ha. Nội dung chính của dự án bao gồm đầu tư xây dựng nối liền từ cầu cảng B1 đến B3, gia tăng khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng lên đến 30.000 DWT, nạo vét luồng vào và vùng nước trước bến. Tiến độ thực hiện dự án dự kiến sẽ hoàn thành bến tàu 30.000 DWT trong tháng 8/2015.

Mở rộng cảng Gò Dầu B giai đoạn 2 trên khu đất diện tích 19,64 ha với mục tiêu đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi, cơ sở hạ tầng phục vụ khai thác cảng.



Tình hình tài chính

Chỉ tiêu chính	ĐVT	2013	2014	Thay đổi
Kết quả kinh doanh				
Doanh thu	Tỷ đồng	202,77	270,101	33,21%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	78,75	99,89	26,84%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	44,89	47,63	6,12%
Tài sản				
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	66,60	116,38	74,75%
Tài sản cố định	Tỷ đồng	262,01	334,28	27,58%
Đầu tư dài hạn	Tỷ đồng	22,17	22,17	0,00%
Nguồn vốn				
Tổng nợ phải trả	Tỷ đồng	92,76	180,82	94,94%
Tổng vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	279,95	313,04	11,82%
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	65,94	47,37	-28,16%
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	Tỷ đồng	-59,63	-95,88	-
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	-9,54	80,54	-
Lưu chuyển tiền thuần	Tỷ đồng	-3,23	32,03	-
Khả năng thanh toán				
Tỷ số thanh toán hiện hành	Lần	1,00	1,51	-
Tỷ số thanh toán nhanh	Lần	1,00	1,50	-
Khả năng thanh toán lãi vay	Lần	10,43	9,39	-
Hiệu quả hoạt động				
Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	57	50	-
Kỳ trả tiền bình quân	Ngày	52	44	-
Vòng quay tài sản	Lần	0,57	0,62	-
Khả năng sinh lời				
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế	%	22,1%	17,6%	-
ROA	%	12,7%	11,0%	-
ROE	%	16,8%	16,1%	-
Đòn bẩy	Lần	1,33	1,46	-



Tình hình tài chính

Phân tích khả năng thanh toán

Các chỉ số về khả năng thanh toán trong của Công ty trong các năm vừa qua luôn nằm ở mức an toàn. Trong năm 2014, các tỷ số này có sự sụt giảm nhẹ do công ty gia tăng vay nợ để tài trợ cho các dự án đầu tư. Chỉ số thanh toán hiện hành và chỉ số thanh toán nhanh trong năm vẫn lớn hơn 1. Do đặc thù công ty kinh doanh trong ngành dịch vụ, do đó giá trị hàng tồn kho chiếm rất thấp trong cơ cấu tài sản, vì vậy hai chỉ số này không chênh lệch cao. Tỷ lệ khả năng thanh toán lãi vay tương tự cũng nằm ở mức cao, lợi nhuận hoạt động kinh doanh cao gấp 9,39 lần so với chi phí lãi vay. Điều này chứng tỏ rằng hoạt động kinh doanh của công ty có khả năng đảm bảo tốt cho việc chi trả lãi vay trong kỳ.

Phân tích hiệu quả hoạt động

Kỳ thu tiền bình quân

Tại thời điểm cuối năm, giá trị khoản phải thu khách hàng là 43,62 tỷ đồng, chiếm 8,83% trong tổng cơ cấu tài sản. Giá trị khoản phải thu khách hàng bình quân trong năm 2014 tăng 15,79% so với năm 2013, trong khi doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 33,21%. Kỳ thu tiền bình quân là 50 ngày giảm 7 ngày so với năm trước cho thấy hiệu quả trong việc quản lý thu hồi công nợ, ổn định dòng tiền hoạt động của công ty.

Kỳ trả tiền bình quân

Tại thời điểm cuối năm, khoản phải trả người bán có giá trị là 20,56 tỷ đồng, chiếm 11% trong cơ cấu nợ phải trả. Giá trị khoản phải trả trung bình trong năm 2014 tăng 17,25% so với năm 2013, trong khi giá trị mua hàng trong năm tăng 37,44%. Kỳ trả tiền bình quân giảm xuống 8 ngày so với mức 52 trong năm trước, củng cố mức tín nhiệm tín dụng của các nhà cung cấp đối với công ty.

Vòng quay tài sản

Năm 2014 là khoảng thời gian cho thấy mức độ tăng cường đầu tư mở rộng của công ty. Tổng tài sản của công ty trung bình gia tăng 22,30%, trong đó chi phí xây dựng cơ bản dở dang trung bình tăng 67,21%. Do doanh thu trong kỳ tăng trưởng cao hơn ở mức 33,21% nên vòng quay tài sản tăng từ 0,57 lần lên 0,62 lần, thể hiện hiệu quả khai thác tài sản được cải thiện tốt.

Tuy nhiên, vòng quay tài sản của công ty hiện tại vẫn chưa cao, do đặc thù ngành cần phải đầu tư lớn vào cơ sở hạ tầng, trang thiết bị trong cảng. Trong dài hạn, khi các hạng mục công trình được hoàn thiện và tạo ra nguồn thu vào, tỷ lệ vòng quay tài sản sẽ tiếp tục được cải thiện hơn nữa.

Phân tích khả năng sinh lời

Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trong năm 2014 đạt 17,63% sụt giảm so với mức 22,14% trong năm 2013 do trong kỳ công ty mở rộng hoạt động kinh doanh các dịch vụ mới và gia tăng thuê ngoài làm giảm biên lợi nhuận gộp. Đồng thời, các chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp cũng tăng mạnh so với cùng kỳ.

Tỷ lệ lợi nhuận trên tổng tài sản đạt 11% giảm tương đối so với mức 12,7% trong năm 2013. Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đạt 16,1% có mức giảm nhẹ hơn do trong kỳ công ty gia tăng sử dụng đòn bẩy tài trợ cho các dự án đầu tư.

Phân tích cơ cấu vốn

Tại thời điểm cuối năm 2014, tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu là 0,58 gia tăng so với năm 2013, tương ứng với mức đòn bẩy là 1,46 lần. Trong đó, khoản vay và nợ ngắn hạn là 43,49 tỷ đồng, chiếm 24% trong tổng nợ phải trả. Khoản vay và nợ dài hạn là 101,54 tỷ đồng, tăng mạnh 4,4 lần so với năm 2013, chiếm tỷ trọng 56% trong tổng nợ phải trả.

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu

Cổ phần

Tổng số cổ phần: 12.347.987 CP

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: Không

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 12.347.987 CP

Cơ cấu Cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng CP sở hữu		Tỷ lệ sở hữu CP
		Tự do chuyển nhượng	Tổng cộng	
I	Cổ đông Nhà nước	6.297.480	6,297,480	51%
II	Cổ đông nội bộ	-	-	-
III	Cổ đông trong nước	5.858.992	5.858.992	47,45%
	Cá nhân	3.383.604	3.383.604	27,40%
	Tổ chức	2.475.388	2.475.388	20,05%
IV	Cổ đông nước ngoài	191.515	191,515	1,55%
	Cá nhân	181.496	181.496	1,47%
	Tổ chức	10.019	10.019	0,08%
Tổng cộng		12.347.987	12.347.987	100%

Nguồn số liệu: Danh sách cổ đông chốt ngày 05/03/2015

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm, Công ty thực hiện phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu với thông tin như sau:

- Số lượng CP trước phát hành: 8.231.998 CP
- Số lượng CP đã phát hành: 4.115.989 CP
- Số lượng CP đang lưu hành: 12.347.987 CP
- Ngày đăng ký cuối cùng: 15/08/2014
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 2:1 (Người sở hữu 02 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới)
- Lý do và mục đích phát hành: Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
- Số cổ đông được phân phối: 294 cổ đông

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

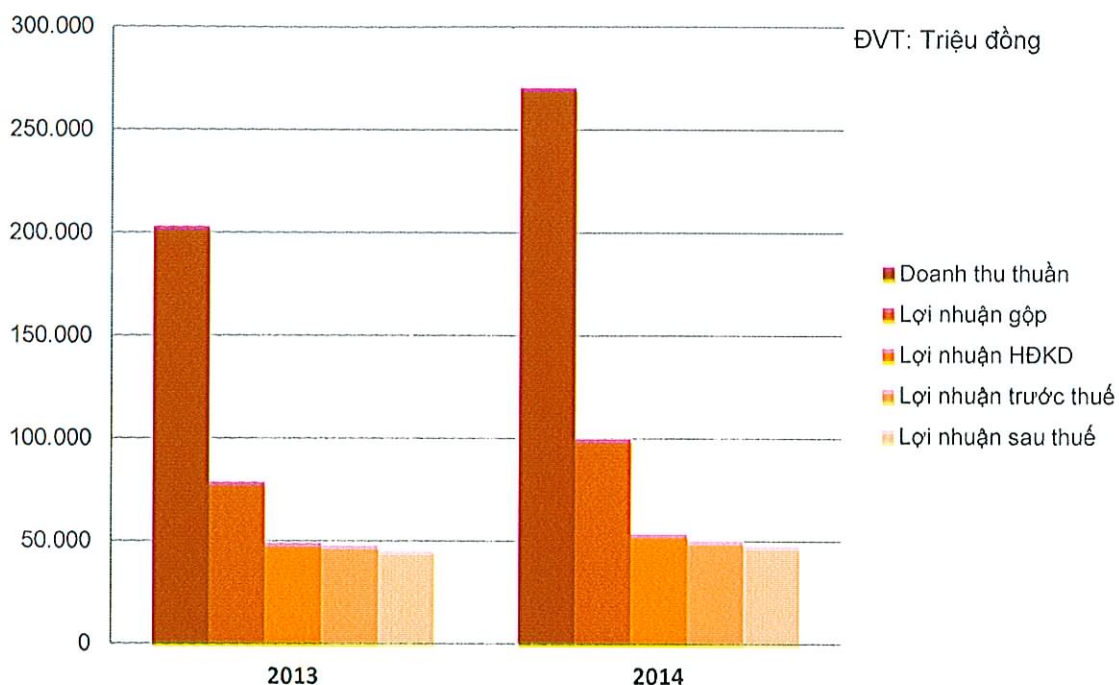
Tình hình tài chính

Cải tiến về hoạt động kinh doanh, cơ cấu, tổ chức,
chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải pháp thực hiện

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh



Trong năm 2014, tình hình chung của cả nền kinh tế đã có những dấu hiệu khởi sắc, đồng thời môi trường kinh tế vĩ mô ổn định. Nhu cầu lưu chuyển hàng hóa trong và ngoài nước có sự tăng trưởng so với năm 2013, kim ngạch xuất nhập khẩu gia tăng. Tận dụng những thuận lợi trong vĩ mô cũng như lợi thế về vị trí địa lý và kinh nghiệm trong ngành, Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cảng Đồng Nai đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành kế hoạch và các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh đều tăng trưởng tốt.

Sản lượng hàng hóa tổng hợp và container thông qua cảng lần lượt là 3.415 nghìn tấn, tăng 27,7% và 256 nghìn TEU, tăng 31,28%. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh cảng và logistics đạt

270.101 triệu đồng, tăng trưởng mạnh 33,21% so với năm 2013. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế đạt 47.631 triệu đồng tăng 5,91%, thấp hơn so với mức tăng trưởng trong doanh thu do công ty đang trong giai đoạn mở rộng hoạt động kinh doanh và gia tăng đầu tư dẫn đến gia tăng các chi phí bán hàng, khấu hao và các chi phí thuế ngoài.

Về mặt thuận lợi, thương hiệu cảng Đồng Nai đã từ lâu xây dựng được hình ảnh đáng tin cậy và chuyên nghiệp đối với khách hàng tạo ra thị phần chiếm ưu thế và ổn định trong khu vực. Đồng thời, công ty đã tạo được mối quan hệ và có được sự hỗ trợ của các cảng biển phía Nam trong Hiệp hội cảng biển Việt Nam nhằm kết nối với các cảng nước sâu tại khu vực Thị

Vải trung chuyển hàng hóa bằng sà lan. Hệ thống cơ sở hạ tầng đường sá từ các khu công nghiệp dẫn đến cảng liên tục được hoàn thiện và nâng cấp, hàng hóa được luân chuyển giữa các khu công nghiệp và cảng dễ dàng.

Tuy nhiên, công ty hiện tại vẫn đang gặp khó khăn trong việc huy động nguồn vốn lớn để thực hiện các dự án đầu tư mở rộng tại cả hai khu vực cảng Long Bình Tân và Gò Dầu. Đồng thời mức độ cạnh tranh trong mảng khai thác hàng tổng hợp gia tăng khi hệ thống cảng nước sâu tại khu vực Thị Vải – Cái Mép dư thừa công suất quá mức dẫn đến chuyển đổi từ khai thác hàng container sang hàng tổng hợp.



Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Cuối năm 2014, giá trị tổng tài sản của công ty là 493,86 tỷ đồng, tăng mạnh 32,5% so với năm 2013. Trong đó, tài sản ngắn hạn có giá trị 116,38 tỷ đồng, chiếm 23,57% trong cơ cấu tài sản. Các khoản tiền và tương đương tiền chiếm tỷ trọng 11,6% trong tổng tài sản, tăng mạnh 2.1 lần so với năm 2013. Các khoản phải thu khách hàng trung bình tăng 15,79% với năm 2013 do hoạt động kinh doanh của công ty mở rộng mạnh mẽ, cuối kỳ các khoản này chiếm tỷ trọng 8,83% trong tổng tài sản. Do đặc thù của hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ, giá trị hàng tồn kho của công ty luôn nằm ở mức rất thấp, chiếm 0,07% trong tổng tài sản.

Giá trị tài sản dài hạn cuối năm là 377,48 tỷ đồng tăng 23,3% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 76,4% trong tổng tài sản, trong đó phần lớn là tài sản cố định chiếm 88,6%. Trong kỳ, chi phí xây dựng cơ bản dở dang gia tăng mạnh mẽ 91,15% do hoạt động đầu tư các dự án lớn của công ty.

Tình hình nguồn vốn

Năm 2014 là năm mà công ty đẩy mạnh đầu tư vào các dự án lớn mở rộng mà nâng cấp hệ thống cầu cảng, kho bãi. Nguồn vốn được công ty được ưu tiên sử dụng trong thời điểm hiện tại là vốn vay từ bên ngoài do mức độ đòn bẩy tài chính các năm trước vẫn ở mức rất thấp. Tổng giá trị vay nợ ngắn hạn và dài hạn là 145 tỷ đồng tăng 3,1 lần so với năm 2013, chiếm 29% trong cơ cấu nguồn vốn.

Nguồn vốn chủ sở hữu của công ty tăng trưởng 11,82% so với cùng kỳ. Trong kỳ, công ty đã tiến hành tăng vốn hoạt động kinh doanh từ quỹ đầu tư phát triển. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 31,72% so với cùng kỳ do kết quả tăng trưởng tốt từ hoạt động kinh doanh.



Chiến lược đối với nguồn cung cấp

Mở rộng nhà thầu cung cấp dịch vụ vận tải thủy bộ nhằm tạo ra sự linh hoạt, chủ động trong việc cung cấp dịch vụ vận tải thủy bộ cho khách hàng. Đồng thời, gia tăng khả năng thương lượng chi phí với nhà cung cấp.

Liên kết và mở rộng chuỗi dịch vụ với các đơn vị có thế mạnh về vận tải nhằm khai thác thêm các thị trường không phải thế mạnh của PDN. Trong ngắn hạn, đáp ứng kịp thời và linh hoạt các nhu cầu của khách hàng, mở rộng thị trường hoạt động. Về mặt dài hạn, chiến lược này sẽ gia tăng sự nhận biết thương hiệu của PDN trong nhận thức của khách hàng, tích lũy kinh nghiệm trong những mảng dịch vụ mới, tạo tiền đề để công ty phát triển thành một nhà cung cấp dịch vụ logistics toàn diện theo chuẩn mực quốc tế.

Phát triển thêm các nhà cung cấp dịch vụ và công nhân xếp dỡ để đa dạng hóa và đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng được thông suốt và hiệu quả. Đầu tư thêm các thiết bị chủ chốt nhằm nâng cao năng suất và an toàn lao động. Chủ động khai thác tối đa cơ sở hạ tầng có sẵn của công ty.

Cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Năm 2014 là năm đặc thù công ty đã thay đổi cơ cấu tổ chức chuyển chức năng nhiệm vụ Phòng khai thác Container thành Cảng Long Bình Tân và thành lập mới Phòng Dự Án - Công Nghệ, hoạt động của cơ cấu tổ chức PDN phù hợp với chiến lược kinh doanh của PDN.

Xây dựng mô hình quản lý tập trung theo các khối

Thực hiện chiến lược của công ty theo BSC giao cho các khối phòng, ban theo từng mục tiêu của khối, phòng ban và KPI từng cá nhân để thực hiện những chiến lược phát triển của công ty.

Chiến lược kinh doanh

Gia tăng năng lực cạnh tranh thông qua việc cải thiện những mặt hạn chế trong dịch vụ khách hàng, kéo dài và hoàn thiện chuỗi cung cấp dịch vụ logistics, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Thực hiện chiến lược mở rộng liên kết và thuê ngoài những dịch vụ không phải là thế mạnh. Thứ nhất, gia tăng chất lượng cung cấp dịch vụ đến khách hàng. Thứ hai, tiết kiệm chi phí đối với những dịch vụ không phải thế mạnh của công ty. Thứ ba, linh hoạt mở rộng các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Mở rộng phát triển sản phẩm mới, thị trường mới

Mở rộng phát triển đa dạng hóa các sản phẩm logistics, và hoàn thiện chuỗi cung cấp dịch vụ. Đầu tư xây dựng hệ thống kho CFS và kho ngoại quan tại hai khu vực cảng Long Bình Tân và Gò Dầu.

Tập trung khai thác tiềm năng của các thị trường tại Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Dương và phía bắc TP.HCM.

Đẩy mạnh quảng bá hình ảnh thương hiệu

Trong năm 2014, công ty đã thực hiện nhiều hình thức quảng bá thương hiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng:

Quảng cáo trên các tạp chí, trang web của các hiệp hội trong ngành logistics.

Tham gia diễn đàn và trao đổi trên chương trình FBNC.

Tài trợ chương trình đối thoại với Doanh nghiệp của trường Doanh nhân PTI.

Ngoài ra, Công ty CP cảng Đồng Nai cũng tham gia nhiều chương trình xã hội nhằm chia sẻ các khó khăn, động viên tinh thần hiếu học của các em học sinh nghèo, chương trình tưởng niệm các liệt sĩ, xây dựng nhà tình thương.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Kế hoạch sản xuất trong năm 2015 của PDN được xây dựng từ khảo sát, đánh giá về tăng trưởng nhu cầu luân chuyển hàng hóa trong năm. Đồng thời, kế hoạch cũng dựa trên sự cân đối khả năng đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng bến cảng, kho bãi và đa dạng hóa các dịch vụ logistics khác.

Việc xem xét tổng hợp các yếu tố thuận lợi và khó khăn cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và xem xét tính khả thi của kế hoạch năm 2015. Về mặt thuận lợi, công ty tận dụng những lợi thế về vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên về luồng lạch, quan hệ nhiều năm với lượng khách hàng lớn và ổn định. Ban lãnh đạo và đội ngũ công nhân viên chức luôn nỗ lực lao động theo tư duy đổi mới, năng động và có kinh nghiệm lâu năm trong ngành. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư còn chậm do thiếu nguồn vốn tài trợ, mức độ cạnh tranh trong ngành càng gay gắt.

Bảng chi tiết kế hoạch 2015

Doanh thu 290 tỉ đồng

Lợi nhuận trước thuế: 52 tỉ

Cổ tức: 17%

Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách: 16,201 tỉ đồng

Đầu tư xây dựng cơ bản: 150 tỉ đồng



Giải pháp trong hoạt động kinh doanh

Tiến hành tổng hợp dữ liệu, đánh giá, phân tích nhu cầu khách hàng. Từ đó, xây dựng chương trình chăm sóc khách hàng phù hợp trong từng phân khúc và áp dụng chính sách giá theo phân khúc tương ứng. Áp dụng chính sách thưởng phạt với hợp đồng nhà thầu phụ và hợp đồng xếp dỡ với khách hàng.

Gia tăng khai thác sản lượng đối với các hãng tàu.

Tận dụng tất cả nguồn lực bên trong và bên ngoài để mở rộng thị trường. Kết hợp hoạt động với các Hiệp hội, công ty Forwarder và các công ty vận tải để gia tăng khả năng mở rộng khách hàng mới. Công ty cũng đẩy mạnh hoạt động mở rộng thị trường bằng hình ảnh thương hiệu uy tín PDN, phát triển dịch vụ bán cước vận tải biển nội địa và quốc tế.

Tiếp tục phát triển mảng kinh doanh hàng container cho khu

vực Long Bình Tân bằng việc tìm kiếm nguồn hàng hóa từ các khách hàng tiềm năng trong khu vực. Đối với mảng dịch vụ mới, chuỗi dịch vụ Kho vận – Logistics tăng cường giới thiệu và quảng bá đến các đối tượng có nhu cầu.

Trong công tác điều hành nhân sự bán hàng và sản xuất, xây dựng chính sách hoa hồng và chính sách môi giới cạnh tranh nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Giải pháp trong hoạt động sản xuất

Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ đối với ngành hàng container thông qua việc đào tạo cán bộ tác nghiệp, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng

Tăng năng suất tác nghiệp cả hàng hóa tổng hợp và hàng container phần đầu vượt kế hoạch đề ra.

Nâng cao tinh thần trách nhiệm, xây dựng thái độ sẵn sàng phục vụ khách hàng và giải đáp các thông tin khi khách hàng đề nghị. Chấn chỉnh tác phong và mức độ tuân thủ nội quy của công nhân và nhân viên.

Tăng cường năng lực điều phối của cấp quản lý trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến khách hàng, nhà thầu cũng như các vấn đề nảy sinh khác trong khu vực sản xuất.

Bố trí hợp lý các thiết bị sản xuất nhằm gia tăng hiệu quả khai thác tài sản của công ty.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2014, nền kinh tế trong nước và thế giới đã có nhiều dấu hiệu phục hồi tích cực hơn so với năm 2013. Tuy nhiên, tình hình thế giới vẫn còn nhiều bất ổn và phức tạp, tốc độ cải thiện trong nền kinh tế Việt Nam vẫn còn chậm. Đối Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng, kho bãi, thì tình hình kinh tế vĩ mô càng có mối liên hệ chặt chẽ với kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Trong năm, ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ công nhân viên đã cùng nhau nỗ lực phấn đấu, cải tiến chính sách quản lý, chính sách bán hàng và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ. Do đó, hoạt động kinh doanh trong năm 2014 của PDN đã đạt được những kết quả khả quan.

Sản lượng khai thác hàng tổng hợp: 3.415 nghìn tấn, tăng 27,7% so với năm 2013.

Sản lượng khai thác hàng container: 256 nghìn TEU, tăng 3,28% so với năm 2013.

Tổng sản lượng quy đổi toàn công ty: 5.704 nghìn tấn, tăng 46% so với năm 2013.

Doanh thu: 270.101 triệu đồng, tăng 33,21% so với năm 2013.

Lợi nhuận sau thuế: 47.631 triệu đồng, tăng 6,12% so với năm 2013.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Dựa trên những kế hoạch đã đề ra và phê duyệt, tổng mức chi phí đầu tư xây dựng cơ bản của công ty tại thời điểm cuối năm 2014 là 122,56 tỷ đồng. Trong đó, các hạng mục đầu tư lớn hiện tại bao gồm đầu tư bến tàu 30.000 DWT, mở rộng cảng Gò Dầu giai đoạn 2, và các chi phí đền bù tái định cư. Các dự án đầu tư chi tiết đã thực hiện trong năm 2014 bao gồm:

- Mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 1: Diện tích 3 ha. Tổng mức đầu tư: 126,8 tỷ đồng
- Mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2: Diện tích 9 ha. Tổng mức đầu tư: 438,6 tỷ đồng
- Mở rộng cảng Gò Dầu B giai đoạn 1: Đầu tư bến 30.000 DWT. Tổng mức đầu tư: 423,6 tỷ đồng.
- Mở rộng cảng Gò Dầu B giai đoạn 2: Diện tích 19,64 ha. Tổng mức đầu tư: 318,2 tỷ đồng.

Hoạt động tài chính

Trong năm 2014, bộ phận tài chính kế toán đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và chức năng của mình thể hiện trong hầu hết các hoạt động kinh doanh của công ty.

Đối với công tác quản lý nguồn vốn luân chuyển, tình hình công nợ luôn được chú trọng theo dõi sát sao nhằm gia tăng hiệu quả sử dụng dòng tiền và quản trị rủi ro, thực hiện trích lập dự phòng các khoản phải thu theo đúng với quy định của pháp luật. Trong năm, kỳ thu tiền bình quân đã cải thiện xuống 7 ngày so với mức 57 ngày của năm 2013. Kỳ trả tiền bình quân trong năm giảm từ 52 ngày xuống mức 44 ngày, gia tăng áp lực dòng tiền, tuy nhiên duy trì được tín nhiệm tín dụng đối với nhà cung cấp.

Đối với công tác hoạch định đầu tư, các dự án đầu tư lớn trong năm đều được tính toán kỹ lưỡng nhằm đảm bảo cân đối giữa tính hiệu quả của dự án và chi phí sử dụng vốn. Đảm bảo dòng tiền khả dụng kịp thời theo tiến độ xây dựng của dự án.

Phối hợp, hỗ trợ trong công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Công tác tổ chức và nhân sự

Công tác tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm nhân sự hợp lý, đảm bảo tính đúng người đúng việc tạo ra hiệu quả công việc cao.

Thực hiện nhiều chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài. Các chính sách trả lương, thưởng đảm bảo theo đúng quy chế, tạo ra động lực phấn đấu cho từng cá nhân. Đồng thời, xây dựng cơ chế đánh giá KPI riêng cho ban lãnh đạo và cán bộ quản lý.

Xây dựng môi trường làm việc năng động, khoa học cùng với chính sách đào tạo phát triển nguồn nhân lực liên tục nhằm khai thác tối đa năng lực của từng cán bộ công nhân viên.



Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2014, tình hình kinh tế trong và ngoài nước dần có dấu hiệu hồi phục nhưng vẫn ở mức chậm và kém bền vững. Ngành khai thác cảng được xem là ngành hỗ trợ cho hoạt động luân chuyển hàng hóa; do đó, đi kèm với sự phát triển của kinh tế sẽ là cơ hội kéo theo sự phát triển của ngành. Ban Tổng Giám đốc trong năm đã thể hiện được năng lực tốt, thực hiện các giải pháp kịp thời, đồng bộ, linh hoạt giúp Công ty duy trì hoạt động an toàn, ổn định và hoàn thành các kế hoạch đã đề ra.

Hội đồng Quản trị ghi nhận Ban Tổng Giám đốc đã có sự chuẩn bị chu đáo phương án ứng phó trước những biến động khó lường trên thị trường nói chung và những khó khăn đặc thù của ngành nói riêng. Ban Tổng Giám đốc đã nắm bắt kịp thời những chuyển biến về kinh tế vĩ mô, sự biến động về giá, kịp thời đưa ra những quyết sách, tạo động lực cho tập thể cán bộ nhân viên Công ty cùng chung sức, đoàn kết, nhất trí đưa Công ty vượt qua mọi khó khăn. Đây là sự thành công của Công ty trong năm vừa qua, trong đó có sự đóng góp đáng ghi nhận của Ban Tổng Giám đốc.

Ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh, trong năm Ban Tổng giám đốc còn chú trọng công tác xây dựng hệ thống quản trị và các chương trình văn hóa Công ty, cụ thể như sau:

Công tác xây dựng hệ thống quản trị

Trong năm 2014, để tăng cường hiệu quả lãnh đạo trong công tác quản trị, có giải pháp thực hiện đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ chiến lược dài hạn và kế hoạch hàng năm được giao. Ban điều hành Công ty đã triển khai các chương trình, công việc cụ thể như sau:

- Đánh giá chiến lược trung hạn 2012 – 2016, xác định vị trí hiện tại của Công ty đến thời điểm 2014. Trên cơ sở đó, Công ty đã triển khai 8 giải pháp chiến lược (KSI) thông qua 29 dự án cho phù hợp với tình hình hiện nay và xu hướng phát triển trong thời gian tới của ngành cũng như của Công ty.
- Hoàn thiện các quy trình, lưu đồ hóa và triển khai thực thi các quy trình trong toàn hệ thống Công ty đảm bảo các trình tự công việc được triển khai theo đúng trình tự công việc.
- Triển khai xây dựng hệ thống trả lương mới đảm bảo tính công bằng cho người lao động và nâng cao hiệu suất công việc.
- Xây dựng hệ thống KPI và thang điểm đánh giá làm cơ sở để đánh giá thành tích của phòng ban, của nhân viên và đưa ra những khuyến khích phù hợp cho từng phòng ban, từng nhân viên, giúp khâu quản lý nhận biết thành quả của công ty hoặc phòng ban và các đơn vị.
- Coaching một số vị trí Lãnh đạo nhằm nâng cao hiệu suất làm việc và tạo nòng cốt trong việc triển khai các chiến lược của Công ty.

Xây dựng các chương trình văn hóa trong Công ty

Văn hóa tuân thủ

- **Thời gian:** làm việc, tiến độ thực hiện công việc và phản hồi đúng thời cam kết.
- **Kỷ luật:** Qui trình, qui định, qui chế, nội qui và chỉ đạo của cấp trên.

Văn hóa hướng đến kết quả

- **Đặt mục tiêu:** có mục tiêu và kế hoạch; có mục tiêu thách thức.
- **Đạt mục tiêu đến cùng:** Linh hoạt triển khai nhiều giải pháp hành động để đạt mục tiêu đến cùng.

Văn hóa thương tôn hợp tác

- **Chân thành:** Thân thiện, cởi mở, thẳng thắn chia sẻ quan điểm một cách thẳng thắn, bình tĩnh, trực diện và ngay khi có thể, sẵn sàng hỗ trợ & đồng viên cùng nhau phát triển.
- **Tôn trọng:** Quan điểm của nhau và cùng vì lợi ích chung của PDN; với khách hàng luôn tôn trọng lợi ích, hợp tác lâu dài.

Văn hóa phát triển năng lực bản thân

- **Học hỏi:** xây dựng mục tiêu phát triển bản thân, khao khát học hỏi và trải nghiệm thử thách ở các vị trí, tư duy sáng tạo.
- **Thực tiễn:** Áp dụng học hỏi vào thực tiễn công việc và mang lại hiệu quả.
- **Khiêm nhường:** Dũng cảm nhận ra hạn chế của bản thân và cầu thị hoàn thiện chính mình trước, ghi nhận thành công của bản thân có sự đóng góp của đội nhóm và các thành viên khác và cân bằng với mối quan hệ đồng nghiệp.



Định hướng phát triển của Hội đồng quản trị trong năm 2015

- o Hiện tại công ty đã xây dựng hoàn tất và áp dụng quy trình lập kế hoạch ngân sách để kiểm soát các hoạt động SXKD, dự báo các vấn đề phát sinh, tìm ra các giải pháp dự phòng một cách chủ động. Ngoài ra, kế hoạch này còn giúp công ty chủ động hoạch định nguồn lực tài chính, nhân lực, đầu tư đáp ứng nhu cầu phát triển.
- o Toàn công ty được phân chia thành các cụm chi phí và doanh thu để phân trách nhiệm cụ thể cho các phòng ban.
- o Thiết lập cây thư mục sản phẩm theo 4 ngành hàng chủ lực: ngành hàng tổng hợp, container, bãi, kho vận.
- o Quy trình các phòng ban cũng được hệ thống hóa và kiểm soát chặt chẽ.
- o Thực hiện công tác tự kiểm soát, kiểm soát nội bộ và giám sát chặt chẽ tại các khu vực, đảm bảo công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường được thực hiện nghiêm túc.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BDH và BKS



Thành viên Hội đồng quản trị

Các thành viên HĐQT tại Công ty gồm 01 Chủ tịch HĐQT, 01 Phó Chủ tịch và 03 thành viên. Có 04 thành viên tham gia quản lý điều hành và 01 thành viên HĐQT độc lập. Số lượng nắm giữ cổ phần đến ngày 31/12/2014 tại PDN như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu	CP nắm giữ	Tổng cộng	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ông Đỗ Văn Sâm	Chủ tịch HĐQT	1.234.798	57.216	1.292.014	10,46	Điều hành
2	Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Thành viên HĐQT	2.593.086	18.279	2.611.365	21,148	Điều hành
3	Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT	1.234.798	2.520	1.237.318	10,02	Điều hành
4	Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT	-	56.280	56.280	0,456	Điều hành
5	Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên HĐQT	462.504	-	462.504	3,75	Độc lập

Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị Không có.

Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2014

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT và ban hành các nghị quyết như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	07/2014/BB-HĐQT	25/02/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt quỹ lương năm 2013, thông qua quy chế tài chính và thảo luận vấn đề tăng vốn để trình ĐHCĐ xin ý kiến - Thông qua kế hoạch năm 2014 trình ĐHCĐ <p>Các công việc chuẩn bị cho ĐHCĐ thường niên 2014</p>
2	10/2014/BB-HĐQT	15/04/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD quý I.2014 <p>Thông qua công tác chuẩn bị cho ĐHCĐ thường niên 2014</p>
3	BB & NQ ĐHCĐ 2014	18/04/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo của HĐQT về điều hành công ty năm 2013 - Thông qua chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 - Thống nhất chủ trương tham gia chương trình "Cải cách doanh nghiệp nhà nước và hỗ trợ quản trị công ty" - Thông qua báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán - Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm tra giám sát hoạt động SXKD, giám sát HĐQT và Ban giám đốc về công tác điều hành trong năm 2013 - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức 2013 - Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận 2014 - Thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2014 - Thống nhất phương án tăng vốn điều lệ - Thông qua việc sửa đổi điều lệ công ty - Thống nhất việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình giai đoạn I – Cảng Gò Dầu B



Hội đồng quản trị

4	11/2014/BB-HĐQT	22/05/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hoạt động SXKD ước 5 tháng đầu năm 2014. - Thông qua việc tái bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám Đốc và Phó Tổng Giám Đốc Kế hoạch trả cổ tức đợt 2 năm 2013
5	12/2014/NQ-HĐQT	22/05/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất tái bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám Đốc và Phó Tổng Giám Đốc - Thống nhất thời gian chốt danh sách cổ đông để tiến hành trả cổ tức lần 2 năm 2013
6	14/2014/BB-HĐQT	30/05/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua quy chế quản lý tài chính của công ty - Kế hoạch tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHCĐ 2014 - Một số chủ trương vay vốn để đầu tư của công ty
7	15/2014/QĐ-HĐQT	30/05/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua phương án vay vốn (10 tỷ đồng) để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động SXKD
8	17/2014/BB-HĐQT	18/06/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2014 - Thống nhất giải thể Phòng khai thác container - Thống nhất thành lập Cảng Long Bình Tân - Thống nhất thành lập Phòng Dự án – Công nghệ
9	18/2014/NQ-HĐQT	18/06/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định giải thể Phòng khai thác container, thành lập Cảng Long Bình Tân - Quyết định thành lập Phòng Dự án – Công nghệ trực thuộc Công ty CP Cảng Đồng Nai - Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2014
10	28/2014/BB-HĐQT	18/08/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua phương án vay vốn (40 tỷ đồng) tại NH TMCP Công thương VN – CN KCN Biên Hòa để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động SXKD - Thông qua phương án vay vốn (32 tỷ đồng) tại NH TMCP Phương Đông để bù đắp nguồn đã chi trả bồi thường mở rộng CĐN giai đoạn 2A
11	31/2014/BB-HĐQT	11/09/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành các thủ tục thay đổi vốn điều lệ.
12	32/2014/QĐ-HĐQT	11/09/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng vốn điều lệ: <ul style="list-style-type: none"> Vốn điều lệ đã đăng ký: 82.319.980.000 đồng. Vốn điều lệ dự kiến thay đổi: 123.479.870.000 đồng. Thời điểm thay đổi vốn: Ngày 03/09/2014. - Hình thức tăng vốn: tăng vốn điều lệ 41.159.890.000 đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu
13	34/2014/BB-HĐQT	03/10/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả HĐ SXKD 9 tháng đầu năm 2014 - Kế hoạch vay vốn 100 tỷ để đầu tư bến tàu 30.000DWT tại Gò Dầu. - Thông qua quỹ lương 2014.



14	35/2014/NQ-HĐQT	03/10/2014	- Quyết định phương án vay vốn 100 tỷ đồng để xây bến tàu 30.000DWT tại Gò Dầu (đã CBTT ngày 03/10/2014).
15	35A/2014/QĐ-HĐQT	04/10/2014	- Duyệt đơn giá tiền lương kế hoạch của người lao động năm 2014
16	35B/2014/QĐ-HĐQT	04/10/2014	- Duyệt đơn giá lương kế hoạch của Ban điều hành năm 2014
17	40/2014/BB-HĐQT	17/11/2014	- Tiến hành thủ tục để bổ sung ngành nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
18	41/2014/NQ-HĐQT	17/11/2014	- Bổ sung ngành nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 16/9/2014
19	44/2014/BB-HĐQT	22/12/2014	- Biên bản họp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bổ sung ngành nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi bổ sung Khoản 1 Điều 3 trong Điều lệ công ty ban hành ngày 18/04/2014.
20	45/2014/NQ-HĐQT	22/12/2014	- Bổ sung ngành nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Sửa đổi bổ sung Khoản 1 Điều 3 trong Điều lệ công ty ban hành ngày 18/04/2014.

Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành

Thành viên HĐQT độc lập, không trực tiếp điều hành tham gia đầy đủ các cuộc họp và giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT. Thành viên độc lập biểu quyết dựa trên việc cân bằng lợi ích giữa các nhóm cổ đông Công ty, lợi ích của nhà nước và của người lao động, phụ trách công tác đối ngoại, kiểm tra, thanh tra hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai và đầu tư tài chính. Điều này giúp hoạt động của Công ty luôn hiệu quả và minh bạch.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị. Các thành viên HĐQT kiêm nhiệm các công việc và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của HĐQT

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đỗ Văn Sâm	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT
5	Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên HĐQT



Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu	CP năm giữ	Tổng cộng	Tỷ lệ %
1	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Trưởng BKS	1.234.798	150	1.234.948	10,001
2	Ông Phạm Văn Huy	Thành viên BKS	-	54.168		0,439
3	Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên BKS	-	-		-

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm, Ban kiểm soát tiến hành kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh, năm 2014, thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá việc quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Nhận xét và đánh giá của Ban kiểm soát

- Công ty thực hiện chế độ lập, gửi báo cáo và chấp hành nghĩa vụ đối với Nhà nước đầy đủ và kịp thời.
- Hạch toán kế toán rõ ràng; sắp xếp lưu trữ chứng từ hợp lý, thuận tiện cho công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu.
- Sổ sách kế toán mở đầy đủ theo quy định.
- Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội ngày 18/04/2014. Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của Pháp luật và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện đầy đủ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và được cung cấp tất cả các nội dung có liên quan theo yêu cầu.



Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 18/04/2014 đã thống nhất mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2014 như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 3.000.000 đồng/tháng.
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: 2.500.000 đồng/tháng.
- Thành viên Hội đồng quản trị: 2.000.000 đồng/tháng.
- Trưởng Ban kiểm soát: 2.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát: 1.500.000 đồng/tháng.
- Thư ký Hội đồng quản trị: 1.500.000 đồng/tháng.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người có liên quan

Tên cổ đông	Chức vụ/liên quan	Giao dịch (Mua/bán)	Số lượng CP đã giao dịch
Bà Võ Thị Trung	Mẹ Bà Nguyễn Thị Hạnh – Trưởng Ban Kiểm Soát	Bán	8.390

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ Không có.

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH **KIỂM TOÁN 2014**

Ý kiến của Cơ quan kiểm toán
Báo cáo tài chính kiểm toán và Bản thuyết minh





Số: 03/BCKTTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, được lập ngày 02/03/2015, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2015

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Phó Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1559-2013-152-1

Kiểm toán viên

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Cao Thị Hồng Nga".

Cao Thị Hồng Nga
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0613-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		116.384.772.359	66.597.867.133
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	57.292.526.422	25.244.039.899
1. Tiền	111		9.786.460.961	8.254.136.259
2. Các khoản tương đương tiền	112		47.506.065.461	16.989.903.640
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.602.301.552	39.913.724.401
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	43.616.500.410	30.036.214.037
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	9.468.536.263	6.765.302.041
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	4.936.900.507	6.047.783.635
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.419.635.628)	(2.935.575.312)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	321.406.818	101.384.093
1. Hàng tồn kho	141		321.406.818	101.384.093
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.168.537.567	1.338.718.740
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		160.429.678	626.774.837
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.595.709.309	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		13.499.077	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	398.899.503	711.943.903
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		377.477.598.543	306.107.839.351
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		334.284.198.705	262.013.808.453
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	211.439.253.856	197.755.053.424
- Nguyên giá	222		358.348.277.865	325.731.148.988
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(146.909.024.009)	(127.976.095.564)



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	281.797.213	139.833.327
- Nguyên giá	228		2.359.063.207	2.138.963.207
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.077.265.994)	(1.999.129.880)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	122.563.147.636	64.118.921.702
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	22.165.000.000	22.165.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		15.165.000.000	15.165.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		7.000.000.000	7.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		21.028.399.838	21.929.030.898
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	21.028.399.838	21.929.030.898
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		493.862.370.902	372.705.706.484



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		180.823.277.192	92.758.909.285
I. Nợ ngắn hạn	310		77.245.980.415	66.529.540.709
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	43.485.885.572	23.412.724.581
2. Phải trả người bán	312	V.13	20.558.022.256	20.718.562.190
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	24.999.712	21.309.621
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	374.474.075	1.259.662.839
5. Phải trả người lao động	315		10.631.716.863	10.620.595.366
6. Chi phí phải trả	316	V.16	377.526.725	59.678.045
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	2.074.139.685	10.117.390.752
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(280.784.473)	319.617.315
II. Nợ dài hạn	330		103.577.296.777	26.229.368.576
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	101.543.545.724	22.947.200.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		2.033.751.053	3.282.168.576
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		313.039.093.710	279.946.797.199
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	313.039.093.710	279.946.797.199
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		123.479.870.000	82.319.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		74.434.806.545	74.434.806.545
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		60.754.975.893	73.323.843.424
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	9.330.116.999
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.016.866.105	2.312.671.428
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		50.352.575.167	38.225.378.803
8. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		493.862.370.902	372.705.706.484



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		47.215,74	47.096,59
+ EUR		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Vũ Thị Quỳnh Trang

Đồng Nai, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng



Võng Thị Thủy Phương



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bạch Mai



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	270.101.377.039	202.767.978.517
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		270.101.377.039	202.767.978.517
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	170.212.675.682	124.016.156.930
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		99.888.701.357	78.751.821.587
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.405.469.599	1.887.387.141
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.717.316.669	4.730.108.335
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.716.758.064	4.684.653.790
8. Chi phí bán hàng	24		12.895.433.693	6.535.048.491
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.339.646.019	23.359.440.382
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		50.341.774.575	46.014.611.520
11. Thu nhập khác	31	VI.5	588.910.705	3.102.906.391
12. Chi phí khác	32	VI.6	608.281.571	1.585.300.775
13. Lợi nhuận khác	40		(19.370.866)	1.517.605.616
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50.322.403.709	47.532.217.136
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	2.691.222.905	2.646.364.037
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		47.631.180.804	44.885.853.099
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	3.857	3.635

Người lập biểu



Vũ Thị Quỳnh Trang
Đồng Nai, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng



Võng Thị Thủy Phương



Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Bạch Mai



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	50.322.403.709	47.532.217.136
2. Điều chỉnh các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	20.412.821.694	16.258.879.783
- Các khoản dự phòng	03	484.060.316	(164.569.719)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(13.687.115)	(13.599.294)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.780.928.190)	(3.153.104.131)
- Chi phí lãi vay	06	5.716.758.064	4.684.653.790
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	74.141.428.478	65.144.477.565
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(17.032.207.846)	6.122.651.703
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(220.022.725)	9.495.197
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	3.045.104.975	7.646.047.673
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.366.976.219	(855.278.717)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.698.416.026)	(4.689.089.892)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.968.942.643)	(2.628.907.574)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(5.260.888.481)	(4.812.658.962)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	47.373.031.951	65.936.736.993
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các TSDH khác	21	(99.903.654.390)	(65.018.121.139)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các TSDH khác	22	450.000.000	1.381.818.182
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
4. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
5. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	1.899.450.000	1.500.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.671.785.262	2.506.937.847
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(95.882.419.128)	(59.629.365.110)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	248.286.187.662	138.424.781.685
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(149.616.680.947)	(131.599.730.834)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.125.320.130)	(16.366.736.100)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>80.544.186.585</i>	<i>(9.541.685.249)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	32.034.799.408	(3.234.313.366)
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	25.244.039.899	28.464.753.971
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	13.687.115	13.599.294
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ (50+60+61)	70	57.292.526.422	25.244.039.899

Người lập biểu



Vũ Thị Quỳnh Trang

Đồng Nai, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng



Võng Thị Thủy Phương



Trưởng Giám đốc

Nguyễn Thị Bạch Mai



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3004 ngày 24/08/2005 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Giấy đăng ký kinh doanh số 4703000301 đăng ký lần đầu ngày 04/01/2006, đăng ký thay đổi lần 2 số 3600334112 ngày 27/10/2009, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 24/12/2014 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp

Trụ sở chính của Công ty tại 1B-D3, KP Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận hàng hóa nội địa, xuất khẩu; dịch vụ khai thác hải quan; hoạt động của các địa lý bán vé máy bay, Bốc xếp hàng hóa. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trù tre, gỗ, nứa) và động vật sống. Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Vận tải hàng hóa đường sắt. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Công ty có tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- TSCD khác	04 - 05 năm
- Phần mềm máy vi tính	03 - 06 năm

Từ năm 2012, Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo khối lượng sản phẩm đối với 2 cầu Liebherr.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung, tái phát hành cổ phiếu quỹ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

11. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

12. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt	516.598.887	807.158.513
Tiền gửi ngân hàng	9.269.862.074	7.446.977.746
Các khoản tương đương tiền	47.506.065.461	16.989.903.640
Cộng	57.292.526.422	25.244.039.899
2. Phải thu khách hàng	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu khách hàng tiền cung cấp dịch vụ	43.616.500.410	30.036.214.037
Cộng	43.616.500.410	30.036.214.037
3. Trả trước cho người bán	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Trả trước cho người nhận thầu xây lắp	8.851.844.387	6.332.035.189
Trả trước cho nhà cung cấp dịch vụ	133.468.876	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	483.223.000	433.266.852
Cộng	9.468.536.263	6.765.302.041
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu khác (*)	4.936.900.507	6.047.783.635
Cộng	4.936.900.507	6.047.783.635
(*) Bao gồm:	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Phải thu tiền nhượng bán cổ phiếu của công ty TNHH Hàng Hải Biên Đông	3.987.300.000	5.886.750.000
- Phải thu cổ tức công ty CP DV Cảng Đồng Nai	675.000.000	-
- Phải thu khác	274.600.507	161.033.635
Cộng	4.936.900.507	6.047.783.635



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	243.492.381	-
Công cụ, dụng cụ	77.914.437	101.384.093
Cộng giá gốc hàng tồn kho	321.406.818	101.384.093
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	321.406.818	101.384.093
6. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tạm ứng	398.899.503	711.943.903
Cộng	398.899.503	711.943.903



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ cuan lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<i>Nguyên giá</i>						
Số dư đầu năm	245.652.897.590	38.828.694.231	37.062.017.339	3.014.046.251	1.173.553.637	325.731.148.988
Số tăng trong năm	30.977.638.278	-	2.252.010.028	331.092.000	519.000.000	34.079.740.306
- <i>Mục sắm mới</i>			2.252.010.028	331.092.000	519.000.000	3.102.102.028
- <i>Đầu tư XDCB hoàn thành</i>	30.977.638.278	-	-	-	-	30.977.638.278
Số giảm trong năm	-	-	1.462.611.429	-	-	1.462.611.429
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>			1.462.611.429	-	-	1.462.611.429
Số dư cuối năm	276.630.475.808	38.828.694.231	37.851.415.938	3.345.138.251	1.692.553.637	358.348.277.865
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Số dư đầu năm	100.763.784.430	9.179.052.909	15.910.343.016	1.433.824.656	689.090.553	127.976.095.564
Số tăng trong năm	13.027.376.780	2.497.115.040	4.183.344.680	494.681.296	132.167.784	20.334.685.580
- <i>Khấu hao trong năm</i>	13.027.376.780	2.497.115.040	4.183.344.680	494.681.296	132.167.784	20.334.685.580
Số giảm trong năm	-	-	1.401.757.155	-	-	1.401.757.155
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>			1.401.757.155	-	-	1.401.757.155
Số dư cuối năm	113.791.161.210	11.676.167.949	18.691.930.561	1.928.505.952	821.258.337	146.909.024.009
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại ngày đầu năm	144.889.053.100	29.649.641.322	21.151.674.323	1.580.221.595	484.463.084	197.735.033.424
Tại ngày cuối năm	162.839.314.598	27.152.526.282	19.159.485.377	1.416.632.299	871.295.300	211.439.253.856

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2013.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2014

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2014 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

99.874.821.065 VND

152.699.573.116 VND

38.407.827.874 VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình	<i>Đơn vị tính VND</i>	
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính
<i>Nguyên giá</i>		
Số dư đầu năm	1.818.363.207	320.600.000
Mua trong năm		220.100.000
Số giảm trong năm		-
Số dư cuối năm	1.818.363.207	540.700.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		
Số dư đầu năm	1.818.363.207	180.766.673
Khấu hao trong năm		78.136.114
Số giảm trong năm		-
Số dư cuối năm	1.818.363.207	258.902.787
<i>Giá trị còn lại</i>		
Tại ngày đầu năm	-	139.833.327
Tại ngày cuối năm	-	281.797.213
9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	122.563.147.636	64.118.921.702
- Mở rộng cảng Gò Dầu B giai đoạn 2	11.626.856.461	3.067.468.113
- Bến tàu 30.000 DWT Gò Dầu B	39.354.629.180	407.325.834
- Mở rộng Cảng ĐN giai đoạn II	641.829.592	943.056.152
- Chi phí đền bù mở rộng Cảng Đồng Nai Giai đoạn 2 (09 ha)	41.407.343.923	32.130.318.673
- Hạ mức nâng cấp bến 2.000DWT lên 5.000DWT- phân đoạn 1	-	113.418.053
- Nạo vét vùng thủy điện trước cầu A1,A3	-	33.200.000
- Nạo vét duy tu vùng nước trước bến B3	-	2.329.704.728
- Dự án tổng hợp cảng GDB	11.896.925	11.896.925
- Khu dịch vụ vận phòng cảng LBT	217.850.000	217.850.000
- Hệ thống thông tin quản trị nguồn lực doanh nghiệp	-	1.134.775.784
- Mở rộng cảng ĐN giai đoạn 1	-	112.457.575
- San lấp bãi 4.757 m2	789.167.554	789.167.554
- Bến sà lan 3000DWT	-	68.433.636
- Tường rào bãi container KV1	-	8.118.362
- Hệ thống thoát nước bãi container KV1	-	584.260.995
- Bồi thường di dời đầu tư xây dựng tuyến nhánh BH2	-	190.785.000
- Chi phí đầu tư hạ tầng khu tái định cư (*)	27.054.453.800	21.232.672.280
- Bãi Container KV1 gói thầu lát gạch BTXM con sáu M600	118.034.411	-
- Bãi Container KV1(0,7ha)	75.359.522	-
- Bãi Container 3ha (gạch bê tông tự chèn)	117.683.174	-
- Bãi cấp phối sỏi đá 7,15ha	543.456.459	-
- Mở rộng đường BTXM B3	25.809.091	-
- Dự án mở rộng CDN giai đoạn 3	16.259.280	-
- CP đền bù mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2B	5.000.000	-
- Lắp đặt thiết bị cầu cảng 3.000DWT	24.384.627	-
- Các công trình khác	533.133.637	744.012.038
Cộng	122.563.147.636	64.118.921.702

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(*) Hợp đồng số 02/AHP/HDKT-2013 ngày 02/04/2013 ký giữa Công ty CP Cảng Đồng Nai và Công ty CP Phát triển hạ tầng An Hưng Phát về việc thanh toán chi phí đầu tư hạ tầng khu tái định cư để Công ty CP Cảng Đồng Nai bố trí tái định cư cho các hộ dân thuộc dự án đầu tư mở rộng Cảng Đồng Nai tại KDC Bình Dương, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa. Tổng giá trị HD là 27.054.453.800 VND.

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Đầu tư vào công ty liên kết (*)	15.165.000.000	15.165.000.000
Đầu tư dài hạn khác	7.000.000.000	7.000.000.000
- Đầu tư cổ phiếu	7.000.000.000	7.000.000.000
+ Công ty CP Sonadezi Châu Đức - 700.000 cổ phiếu	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	22.165.000.000	22.165.000.000

(*) Các khoản đầu tư vào công ty liên kết bao gồm:

Tên công ty	31/12/2014		01/01/2014	
	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp VND
- Công ty CP Cảng Long Thành	30%	1.665.000.000	30%	1.665.000.000
- Công ty CP DV Cảng Đồng Nai	45%	13.500.000.000	45%	13.500.000.000
Cộng		15.165.000.000		15.165.000.000

11. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	3.932.228.595	4.790.439.176
Chi phí đền bù đất (*)	16.174.434.561	16.570.390.901
Chi phí Tư vấn phát triển năng lực lãnh đạo và lựa chọn giải pháp	921.736.682	554.987.182
Chi phí Bảo hiểm xe chờ phân bổ	-	13.213.639
Cộng	21.028.399.838	21.929.030.898

(*) Là khoản tiền Công ty đã ứng ra để đền bù khu đất 3ha, số tiền này được cần trừ vào tiền thuế đất hàng năm mà Công ty phải nộp theo quyết định số 2501/QĐ-UBND ngày 21/09/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai và hợp đồng thuê đất số 06/HĐTD ngày 10/2/2011. Chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tương ứng với số tiền được cần trừ hàng năm theo quyết định trên.

12. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn (*)	31.148.085.572	14.986.924.581
+ Vay ngân hàng	31.148.085.572	14.986.924.581
Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	12.337.800.000	8.425.800.000
Cộng	43.485.885.572	23.412.724.581



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(*) Các khoản vay ngắn hạn bao gồm:

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc (VND)	Phương thức đảm bảo khoản vay
0110.14/4 8.05- HMTD	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	theo từng GNN	6 tháng theo từng GNN	15.726.523.274	Tin chấp
01/CDN/2 014- HDTDHH /NHCT68 2-CDN	NH TMCP Công Thương - CN KCN Biên Hòa	theo từng GNN	3 tháng theo từng GNN	10.872.379.181	Tin chấp
017- 14/HDDHM TD-DK	NH TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Đồng Nai	theo từng GNN	6 tháng theo từng GNN	4.549.183.117	Tin chấp
Cộng				31.148.085.572	

(**) Các khoản nợ dài hạn đến hạn trả bao gồm:

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc (VND)	Phương thức đảm bảo khoản vay
0054.13/4 8.05.DTD A	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	9,0%	84 tháng	1.000.800.000	Thế chấp tài sản
0086.14/4 8.05- DTDA	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	8,5%	84 tháng	2.574.000.000	Thế chấp tài sản
0197/2014 /HDTD- DN	Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Đồng Nai	8,5%	120 tháng	795.000.000	Thế chấp tài sản
61/2012/H DTD-TD	Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai	10,2%	60 tháng	1.452.000.000	Thế chấp tài sản
71/2013/H DTD-TD	Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai	9,6%	36 tháng	6.516.000.000	Thế chấp tài sản
Cộng				12.337.800.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
13. Phải trả người bán		
Phải trả cho người nhận thầu xây lắp	1.335.864.562	5.833.720.702
Phải trả nhà cung cấp dịch vụ	16.911.158.125	14.154.287.994
Các nhà cung cấp khác	2.310.999.569	730.553.494
Cộng	20.558.022.256	20.718.562.190
14. Người mua trả tiền trước		
Khách hàng trả trước tiền cung cấp dịch vụ	24.999.712	21.309.621
Cộng	24.999.712	21.309.621
15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế giá trị gia tăng	-	679.054.329
Thuế thu nhập doanh nghiệp	226.098.772	503.818.510
Thuế thu nhập cá nhân	148.375.303	76.790.000
Cộng	374.474.075	1.259.662.839
16. Chi phí phải trả		
Chi phí lãi vay	316.063.816	59.678.045
Chi phí khác	61.462.909	-
Cộng	377.526.725	59.678.045
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	2.074.139.685	10.117.390.752
Cộng	2.074.139.685	10.117.390.752
(*) Các khoản phải trả, phải nộp khác bao gồm:		
- Cổ tức phải trả	243.735.110	8.490.657.640
- Phải trả về tiền đền bù trạm nước xã Phước Thái, nợ vệt luồng vào Cảng Gò Dầu	1.373.382.250	1.373.382.250
- Phải trả khác	457.022.325	253.350.862
Cộng	2.074.139.685	10.117.390.752



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay dài hạn	101.543.545.724	22.947.200.000
- Vay ngân hàng	51.030.755.145	5.582.200.000
- Vay đối tượng khác	50.512.790.579	17.365.000.000
Cộng	101.543.545.724	22.947.200.000

Các khoản vay dài hạn bao gồm:

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc (VND)	Phương thức đảm bảo khoản vay
0054.13/4 8.05.DTD A	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	9,0%	84 tháng	4.581.400.000	Thế chấp tài sản
0086.14/4 8.05- DTDA	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	8,5%	84 tháng	15.244.355.145	Thế chấp tài sản
0197/2014 /HDTD- DN	Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Đồng Nai	8,5%	120 tháng	31.205.000.000	Thế chấp tài sản
61/2012/H DTD-TD	Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai	10,2%	60 tháng	2.886.000.000	Thế chấp tài sản
71/2013/H DTD-TD	Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai	9,6%	36 tháng	6.511.000.000	Thế chấp tài sản
42/2014/H DTD-TD	Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai	8,4%	120 tháng	41.115.790.579	Thế chấp tài sản
Cộng				101.543.545.724	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	82.319.980.000	74.434.806.545	54.250.394.520	7.223.509.890	627.225.741	34.384.857.821	253.240.554.317
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	44.885.853.099	44.885.853.099
- Phân phối lợi nhuận năm 2013	-	-	19.073.449.104	2.106.807.109	1.685.443.687	(32.813.314.117)	(9.947.612.217)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	19.073.449.104	-	-	(19.073.449.104)	-
+ Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	2.106.807.109	-	(2.106.807.109)	-
+ Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	1.685.443.687	-	(1.685.443.687)	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(51.529.932)	(51.529.932)
+ Trích quỹ chi cho công tác xã hội	-	-	-	-	-	(1.264.084.265)	(1.264.084.265)
+ Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(8.231.998.000)	(8.231.998.000)
- Tạm chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	(8.231.998.000)	(8.231.998.000)
Số dư cuối năm trước	82.319.980.000	74.434.806.545	73.323.843.424	9.330.116.999	2.312.671.428	38.225.378.803	279.946.797.199
- Tăng vốn trong năm (**)	41.159.890.000	-	(41.159.890.000)	(9.330.116.999)	-	-	-
- Tăng, giảm trong năm (*)	-	-	9.330.116.999	-	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	47.631.180.804	47.631.180.804
- Phân phối lợi nhuận năm 2013	-	-	19.260.905.470	-	1.704.194.677	(35.503.984.440)	(14.538.884.293)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	19.260.905.470	-	-	(19.260.905.470)	-
+ Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	-	1.704.194.677	(1.704.194.677)	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.982.340.685)	(2.982.340.685)
+ Trích quỹ chi cho công tác xã hội	-	-	-	-	-	(1.278.146.008)	(1.278.146.008)
+ Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(9.878.397.600)	(9.878.397.600)
Số dư cuối kỳ	123.479.870.000	74.434.806.545	60.754.975.895	-	4.016.866.105	50.352.575.167	313.039.093.710

(*) Kết chuyển số dư quỹ dự phòng tài chính tại thời điểm 31/12/2013 sang quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 18/04/2014

(**) Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 18/4/2014



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014 VND	%	01/01/2014 VND	%
Vốn góp của Tổng công ty Phát triển Khu công nghiệp	62.974.800.000	51%	41.983.200.000	51%
Vốn góp của các cổ đông khác	60.505.070.000	49%	40.336.780.000	49%
Cộng	123.479.870.000	100%	82.319.980.000	100%

c) Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	82.319.980.000	82.319.980.000
+ Vốn góp tăng trong năm (thường cổ phiếu)	41.159.890.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	123.479.870.000	82.319.980.000
- Cổ tức đã chia	9.878.397.600	16.463.996.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.347.987	8.231.998
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.347.987	8.231.998
+ Cổ phiếu thường	12.347.987	8.231.998
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.347.987	8.231.998
+ Cổ phiếu thường	12.347.987	8.231.998

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	267.500.998.188	202.767.978.517
Doanh thu khác	2.600.378.851	-
Cộng	270.101.377.039	202.767.978.517

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	167.612.296.831	124.016.156.930
Giá vốn khác	2.600.378.851	-
Cộng	170.212.675.682	124.016.156.930

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	543.037.484	972.212.847
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.848.745.000	901.575.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.687.115	13.599.294
Cộng	2.405.469.599	1.887.387.141
4. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	5.716.758.064	4.684.653.790
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	558.605	-
Chi phí tài chính khác	-	45.454.545
Cộng	5.717.316.669	4.730.108.335
5. Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu tiền bồi thường	7.000.000	320.000.000
Thu thanh lý TSCĐ	450.000.000	1.381.818.182
Thu tiền thi công công trình	-	1.254.475.455
Phí chia sẻ ứng cứu tràn dầu	60.000.000	-
Thu nhập khác	71.910.705	146.612.754
Cộng	588.910.705	3.102.906.391
6. Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	60.854.294	102.501.898
Chi phí thi công công trình	-	1.208.759.715
Chi phí bồi thường	194.600.000	-
Chi phí sửa chữa cầu tàu sau va chạm	347.982.733	-
Chi phí khác	4.844.544	274.039.162
Cộng	608.281.571	1.585.300.775

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng tại công ty là: 10% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính, thời hạn áp dụng thuế suất ưu đãi 12 năm kể từ năm 2009 và được giảm 50% số thuế phải nộp với thời gian 8 năm kể từ năm 2009.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50.322.403.709	47.532.217.136
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(982.551.036)	(668.570.968)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	866.193.964	233.004.032
* <i>Chi phí không hợp lệ</i>	866.193.964	233.004.032
+ Các khoản điều chỉnh giảm	1.848.745.000	901.575.000
* <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	1.848.745.000	901.575.000
- Tổng lợi nhuận để tính thuế TNDN	49.339.852.673	46.863.646.168
<i>Trong đó:</i>		
+ <i>Thu nhập được ưu đãi miễn, giảm (10%)</i>	19.160.337.600	15.347.737.526
+ <i>Thu nhập không được ưu đãi miễn, giảm (22%)</i>	179.515.073	1.515.908.642
- <i>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế</i>	4.955.527.076	4.913.750.913
- <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%</i>	2.458.016.880	2.267.386.876
- <i>Thuế TNDN nộp bổ sung năm 2013</i>	193.712.709	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.691.222.905	2.646.364.037
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	47.631.180.804	44.885.853.099
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	47.631.180.804	44.885.853.099
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.347.987	12.347.987
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,857	3,635
(*) Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2013 đã được điều chỉnh hồi tố cho 4.115.989 cổ phiếu thương phát hành trong năm 2014.		
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	13.295.469.474	10.994.903.614
Chi phí nhân công	42.885.030.042	38.276.902.625
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.412.821.694	16.258.879.783
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.422.006.112	74.509.520.264
Chi phí bằng tiền khác	20.832.049.222	13.870.439.517
Cộng	213.847.376.544	153.910.645.803

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.748.698.916	3.585.927.000

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch chưa VAT(VND)
Tổng công ty phát triển khu công nghiệp	Công ty mẹ	Chi trả tiền cổ tức	9.236.304.000
Công ty CP Cảng Long Thành	Công ty liên kết	Nhận tiền cổ tức	421.245.000
		Cung cấp dịch vụ	545.291.398
		Cước thuê cầu cảng	766.214.380
		Chi trả tiền cổ tức	141.120.000
Công ty CP DV Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết	Nhận tiền cổ tức	1.147.500.000
		Cung cấp dịch vụ	781.782.320
		Bán tài sản cố định	450.000.000
		Cước thuê xe, xếp dỡ	27.895.325.117

Cho đến ngày 31/12/2014, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả) (VND)
Công ty CP Cảng Long Thành	Công ty liên kết	Cước thuê cầu cảng	(72.442.260)
Công ty CP DV Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết	Cước thuê xe, xếp dỡ	(3.183.921.090)
		Nhận tiền cổ tức	675.000.000
		Cung cấp dịch vụ	97.555.084

2. Bảo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là : Kinh doanh khai thác cầu cảng, kho bãi, dịch vụ bốc xếp hàng hóa, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.292.526.422	25.244.039.899	57.292.526.422	25.244.039.899
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.133.765.289	33.148.422.360	45.133.765.289	33.148.422.360
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	109.426.291.711	65.392.462.259	109.426.291.711	65.392.462.259
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	145.029.431.296	46.559.924.581	145.029.431.296	46.559.924.581
Phải trả người bán và phải trả khác	22.632.161.941	30.835.952.942	22.632.161.941	30.835.952.942
Chi phí phải trả	377.526.725	59.678.045	377.526.725	59.678.045
Cộng	168.039.119.962	77.255.555.568	168.039.119.962	77.255.555.568

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giá định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phản ánh giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2014 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn tin cậy thì giá trị hợp lý được lấy theo giá trị sổ sách.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Tài sản đảm bảo

Công ty có tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác vào ngày 31/12/2013 và 31/12/2014 như thuyết minh V.7. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2013 và 31/12/2014.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	66.495.574.238	101.543.545.724	168.039.119.962
Các khoản vay	43.485.885.572	101.543.545.724	145.029.431.296
Phải trả người bán	20.558.022.256	-	20.558.022.256
Phải trả khác	2.074.139.685	-	2.074.139.685
Chi phí phải trả	377.526.725	-	377.526.725
Số đầu năm	54.308.355.568	22.947.200.000	77.255.555.568
Các khoản vay	23.412.724.581	22.947.200.000	46.359.924.581
Phải trả người bán	20.718.562.190	-	20.718.562.190
Phải trả khác	10.117.390.752	-	10.117.390.752
Chi phí phải trả	59.678.045	-	59.678.045

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đảo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

Người lập biểu



Vũ Thị Quỳnh Trang
Đồng Nai, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng



Võng Thị Thúy Phương



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bạch Mai





Chữ ký của Người đại diện theo Pháp luật của Công ty



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Bạch Mai

